

ĐIỀU LỆ

**Tổ chức và hoạt động của Quỹ bảo lãnh tín dụng
cho doanh nghiệp nhỏ và vừa thành phố Cần Thơ**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 461/QĐ-UBND ngày 27 tháng 02 năm 2019
của Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ)*

**Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1. Giải thích từ ngữ

1. Điều lệ quy định về tổ chức và hoạt động của Quỹ bảo lãnh tín dụng cho doanh nghiệp nhỏ và vừa thành phố Cần Thơ (sau đây viết tắt là Điều lệ).

2. Trong phạm vi Điều lệ này, những từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

a) "Quỹ bảo lãnh tín dụng cho doanh nghiệp nhỏ và vừa thành phố Cần Thơ (sau đây viết tắt là Quỹ bảo lãnh tín dụng thành phố Cần Thơ) là quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách do Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ quyết định thành lập, tổ chức hoạt động theo quy định tại Nghị định số 34/2018/NĐ-CP ngày 08 tháng 3 năm 2018 của Chính phủ về việc thành lập, tổ chức và hoạt động của Quỹ bảo lãnh tín dụng thành phố Cần Thơ và các quy định pháp luật khác có liên quan.

b) "Chủ sở hữu của Quỹ bảo lãnh tín dụng thành phố Cần Thơ" là từ gọi tắt của Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ.

c) "Luật các tổ chức tín dụng" là Luật các tổ chức tín dụng số 47/2010/QH12 ngày 16 tháng 6 năm 2010 và các văn bản sửa đổi, bổ sung (nếu có).

d) "Luật doanh nghiệp" là Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26 tháng 11 năm 2014.

đ) "Luật Hỗ trợ doanh nghiệp" là Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa số 04/2017/QH14 ngày 12 tháng 6 năm 2017.

e) "Nghị định 99/2012/NĐ-CP" là Nghị định số 99/2012/NĐ-CP ngày 15 tháng 11 năm 2012 của Chính phủ về phân công, phân cấp thực hiện các quyền, trách nhiệm, nghĩa vụ của chủ sở hữu nhà nước đối với doanh nghiệp nhà nước và vốn Nhà nước đầu tư vào doanh nghiệp.

g) “Nghị định 91/2015/NĐ-CP” là Nghị định số 91/2015/NĐ-CP của Chính phủ ban hành ngày 13 tháng 10 năm 2015 về đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý, sử dụng vốn, tài sản tại doanh nghiệp.

h) “Nghị định 97/2015/NĐ-CP” là Nghị định số 97/2015/NĐ-CP ngày 19 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ về quản lý người giữ chức danh, chức vụ tại doanh nghiệp là công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên mà nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ.

i) “Nghị định 34/2018/NĐ-CP” là Nghị định số 34/2018/NĐ-CP ngày 08 tháng 3 năm 2018 của Chính phủ về việc thành lập, tổ chức và hoạt động của Quỹ bảo lãnh tín dụng cho doanh nghiệp nhỏ và vừa.

3. Các từ hoặc thuật ngữ đã được định nghĩa trong Luật doanh nghiệp, pháp luật về Quỹ bảo lãnh tín dụng thành phố Cần Thơ và các văn bản khác có liên quan sẽ có nghĩa tương tự trong Điều lệ này.

4. Các tham chiếu của Điều lệ này tới quy định của văn bản khác sẽ bao gồm cả những sửa đổi hoặc văn bản thay thế các văn bản đó.

5. Các từ, thuật ngữ khác được viết tắt, giải thích trong Điều lệ:

a) “Bảo lãnh tín dụng” là cam kết của Quỹ bảo lãnh tín dụng thành phố Cần Thơ với tổ chức cho vay về việc thực hiện nghĩa vụ tài chính thay cho bên được bảo lãnh nếu đến thời hạn thực hiện nghĩa vụ mà bên được bảo lãnh không thực hiện hoặc thực hiện không đúng, không đầy đủ nghĩa vụ đã cam kết với bên nhận bảo lãnh được quy định tại hợp đồng bảo lãnh tín dụng và quy định của pháp luật. Bên được bảo lãnh phải nhận nợ và hoàn trả cho Quỹ bảo lãnh tín dụng số tiền đã được Quỹ bảo lãnh tín dụng trả nợ thay.

b) “Bên bảo lãnh” là Quỹ bảo lãnh tín dụng thành phố Cần Thơ được thành lập, tổ chức và hoạt động theo quy định tại Điều lệ này.

c) “Bên được bảo lãnh” là đối tượng quy định tại Điều 24 của Điều lệ này được Quỹ bảo lãnh tín dụng cấp bảo lãnh.

d) “Bên nhận bảo lãnh” là các tổ chức cho vay theo quy định của pháp luật, thực hiện cấp tín dụng cho bên được bảo lãnh.

đ) “Tổ chức cho vay” là các tổ chức tín dụng và các quỹ tài chính Nhà nước có chức năng cho vay theo quy định của pháp luật.

e) “Hợp đồng bảo lãnh tín dụng” là thỏa thuận bằng văn bản giữa 02 bên gồm: Bên bảo lãnh và bên được bảo lãnh hoặc 03 bên gồm: Bên bảo lãnh, bên nhận bảo lãnh và bên được bảo lãnh về việc bên bảo lãnh sẽ thực hiện nghĩa vụ tài chính thay cho bên được bảo lãnh khi bên được bảo lãnh không thực hiện hoặc thực hiện không đúng, không đầy đủ nghĩa vụ đã cam kết với bên nhận bảo lãnh.

g) “Chứng thư bảo lãnh tín dụng” là cam kết bằng văn bản của bên bảo lãnh với bên nhận bảo lãnh về việc sẽ thực hiện nghĩa vụ trả nợ thay cho bên được bảo lãnh khi bên được bảo lãnh không trả hoặc trả không đầy đủ, đúng hạn nợ vay đã cam kết với bên nhận bảo lãnh theo quy định tại hợp đồng bảo lãnh.

h) “Nghĩa vụ trả nợ gốc” là khoản nợ gốc đến kỳ hạn trả nợ theo hợp đồng tín dụng hoặc theo hợp đồng tín dụng điều chỉnh thuộc phạm vi bảo lãnh của bên bảo lãnh mà bên được bảo lãnh không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ theo nghĩa vụ nợ đã cam kết và khoản nợ này đủ điều kiện để bên bảo lãnh trả nợ thay theo quy định tại Hợp đồng bảo lãnh tín dụng và Điều lệ này.

i) “Khách hàng” là doanh nghiệp nhỏ và vừa theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp nhỏ và vừa vay vốn tại tổ chức cho vay và được Quỹ bảo lãnh tín dụng thành phố Cần Thơ bảo lãnh.

k) “Người có liên quan” là tổ chức, cá nhân theo quy định tại khoản 28 Điều 4 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010 và các văn bản sửa đổi, bổ sung (nếu có).

Điều 2. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Điều lệ này quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, tổ chức bộ máy và hoạt động của Quỹ Bảo lãnh tín dụng doanh nghiệp nhỏ và vừa thành phố Cần Thơ.

2. Đối tượng áp dụng

- a) Quỹ bảo lãnh tín dụng thành phố Cần Thơ;
- b) Các tổ chức cho vay theo quy định tại Nghị định 34/2018/NĐ-CP;
- c) Các đối tượng được cấp bảo lãnh tín dụng theo quy định tại Điều 15, Điều 16 của Nghị định 34/2018/NĐ-CP;
- d) Các tổ chức và cá nhân có liên quan trong quá trình thực hiện Nghị định 34/2018/NĐ-CP.

Điều 3. Tên và trụ sở chính

1. Tên gọi đầy đủ: Quỹ bảo lãnh tín dụng cho doanh nghiệp nhỏ và vừa thành phố Cần Thơ.

2. Tên viết tắt: Quỹ bảo lãnh tín dụng thành phố Cần Thơ.

3. Tên giao dịch quốc tế: Can Tho city Credit Guarantee for Small and Medium Enterprise Fund (CCGF).

4. Trụ sở chính: số 54, đường Phan Đình Phùng, phường Tân An, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ.

Điều 4. Địa vị pháp lý, tư cách pháp nhân, đại diện pháp luật

1. Quỹ bảo lãnh tín dụng thành phố Cần Thơ là quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách do Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ thành lập, hoạt động không vì mục tiêu lợi nhuận, bảo toàn và phát triển vốn; thực hiện chức năng cấp bảo lãnh tín dụng cho các doanh nghiệp nhỏ và vừa.

2. Quỹ bảo lãnh tín dụng thành phố Cần Thơ hoạt động theo mô hình công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ theo quy định tại Nghị định 34/2018/NĐ-CP và pháp luật liên quan.

3. Quỹ bảo lãnh tín dụng thành phố Cần Thơ có tư cách pháp nhân, có vốn điều lệ, có báo cáo tài chính riêng, có con dấu, được mở tài khoản tại Kho bạc Nhà nước và các ngân hàng thương mại hoạt động hợp pháp tại Việt Nam theo quy định của pháp luật.

4. Quỹ bảo lãnh tín dụng thành phố Cần Thơ có thu nhập từ hoạt động do thực hiện nhiệm vụ bảo lãnh tín dụng được miễn nộp thuế thu nhập doanh nghiệp. Trường hợp Quỹ bảo lãnh tín dụng thành phố Cần Thơ có thu nhập từ hoạt động khác ngoài hoạt động bảo lãnh tín dụng thì phải nộp thuế theo quy định của pháp luật về thuế.

5. Đại diện pháp luật của Quỹ bảo lãnh tín dụng thành phố Cần Thơ là Chủ tịch Quỹ bảo lãnh tín dụng thành phố Cần Thơ.

Điều 5. Mục tiêu, phạm vi và thời hạn hoạt động

1. Mục tiêu hoạt động:

Quỹ bảo lãnh tín dụng thành phố Cần Thơ hỗ trợ các doanh nghiệp nhỏ và vừa có điều kiện thuận lợi trong việc tiếp cận nguồn vốn từ các tổ chức cho vay.

2. Phạm vi hoạt động:

Quỹ bảo lãnh tín dụng thành phố Cần Thơ hoạt động trong phạm vi Nghị định 34/2018/NĐ-CP và Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ bảo lãnh tín dụng.

3. Thời hạn hoạt động: Quỹ bảo lãnh tín dụng thành phố Cần Thơ hoạt động không thời hạn và theo quy định hiện hành của pháp luật.

Điều 6. Nguyên tắc và lĩnh vực hoạt động của Quỹ bảo lãnh tín dụng thành phố Cần Thơ

1. Nguyên tắc hoạt động:

a) Quỹ bảo lãnh tín dụng thành phố Cần Thơ hoạt động theo nguyên tắc tự chủ về tài chính, bảo đảm an toàn vốn.

b) Quỹ bảo lãnh tín dụng thành phố Cần Thơ chịu trách nhiệm hữu hạn trong phạm vi nguồn vốn chủ sở hữu của mình.

c) Quỹ bảo lãnh tín dụng thành phố Cần Thơ chỉ được thực hiện cấp bảo lãnh tín dụng đối với các khoản vay đúng đối tượng và đủ điều kiện bảo lãnh.

d) Quỹ bảo lãnh tín dụng thành phố Cần Thơ ưu tiên thực hiện bảo lãnh tín dụng đối với các doanh nghiệp nhỏ và vừa thuộc các lĩnh vực, ngành nghề ưu tiên theo quy định.

2. Lĩnh vực hoạt động:

a) Thực hiện cấp bảo lãnh tín dụng.

b) Quỹ bảo lãnh tín dụng thành phố Cần Thơ được huy động vốn từ các tổ chức tài chính, tín dụng trong và ngoài nước theo quy định của pháp luật và quy định nội bộ của Quỹ bảo đảm phù hợp với khả năng hoàn trả của Quỹ.

c) Thực hiện yêu cầu của bên nhận ủy thác theo quy định của pháp luật.

d) Quỹ bảo lãnh tín dụng thành phố Cần Thơ được nhận vốn ủy thác của chính quyền địa phương, các quỹ tài chính địa phương, các tổ chức, cá nhân trong nước và ngoài nước (bên ủy thác) để thực hiện yêu cầu của bên nhận ủy thác theo quy định của pháp luật và các nguồn vốn hợp pháp khác.

Điều 7. Vốn điều lệ

1. Vốn điều lệ của Quỹ bảo lãnh tín dụng thành phố Cần Thơ bao gồm:

a) Vốn ngân sách thành phố cấp: 100 tỷ đồng (Một trăm tỷ đồng).

b) Vốn bổ sung trong quá trình hoạt động kinh doanh từ Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận sau thuế và các nguồn vốn hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

2. Việc điều chỉnh vốn điều lệ thực hiện theo quy định của pháp luật. Khi có sự thay đổi vốn điều lệ, Quỹ bảo lãnh tín dụng thành phố Cần Thơ phải công bố thông tin về vốn điều lệ theo quy định.

Điều 8. Chủ sở hữu nhà nước

Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ là cơ quan đại diện chủ sở hữu của Quỹ bảo lãnh tín dụng thành phố Cần Thơ.

Điều 9. Quản lý nhà nước

1. Quỹ bảo lãnh tín dụng thành phố Cần Thơ chịu sự quản lý của các cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

2. Quỹ bảo lãnh tín dụng thành phố Cần Thơ có mối quan hệ bình đẳng với các Sở, ban ngành thành phố, phối hợp để thực hiện tốt những nhiệm vụ được Ủy ban nhân dân thành phố giao. Quỹ bảo lãnh tín dụng thành phố Cần Thơ có trách nhiệm thực hiện tốt những hướng dẫn về chuyên môn, nghiệp vụ chuyên ngành của các Sở, ban ngành thành phố có liên quan đến các hoạt động của Quỹ bảo lãnh tín dụng thành phố Cần Thơ.

Điều 10. Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội trong Quỹ bảo lãnh tín dụng thành phố Cần Thơ

1. Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam trong Quỹ bảo lãnh tín dụng thành phố Cần Thơ hình thành, hoạt động theo Hiến pháp, pháp luật và Điều lệ của Đảng Cộng sản Việt Nam.

2. Các tổ chức chính trị - xã hội khác trong Quỹ bảo lãnh tín dụng thành phố Cần Thơ hình thành, hoạt động theo Hiến pháp, pháp luật và Điều lệ của các tổ chức chính trị - xã hội phù hợp với quy định của pháp luật.

3. Quỹ bảo lãnh tín dụng thành phố Cần Thơ tạo điều kiện thuận lợi về cơ sở vật chất, thời gian, điều kiện cần thiết khác để thành viên các tổ chức Đảng, tổ

chức chính trị - xã hội thực hiện việc sinh hoạt đầy đủ theo quy định của pháp luật, Điều lệ và nội quy của các tổ chức đó.

Chương II

QUYỀN VÀ TRÁCH NHIỆM

CỦA QUỸ BẢO LÃNH TÍN DỤNG THÀNH PHỐ CẦN THƠ

Điều 11. Quyền của Quỹ bảo lãnh tín dụng thành phố Cần Thơ

1. Tổ chức và hoạt động phù hợp với mục tiêu và phạm vi hoạt động của Quỹ bảo lãnh tín dụng theo quy định;

2. Được lựa chọn các dự án đầu tư, phương án sản xuất kinh doanh khả thi, có hiệu quả, phù hợp với kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ và đủ điều kiện theo quy định của pháp luật để quyết định cấp bảo lãnh tín dụng;

3. Được tuyển chọn, bố trí, sử dụng, đào tạo lao động và sử dụng lao động theo quy định tại Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ bảo lãnh tín dụng thành phố Cần Thơ và các quy định của pháp luật có liên quan;

4. Được từ chối mọi yêu cầu của bất kỳ cá nhân hay tổ chức nào về việc cung cấp thông tin và các nguồn lực của Quỹ bảo lãnh tín dụng thành phố Cần Thơ nếu yêu cầu đó trái với quy định của pháp luật và trái với Điều lệ này.

Điều 12. Trách nhiệm của Quỹ bảo lãnh tín dụng thành phố Cần Thơ

1. Thực hiện cấp bảo lãnh tín dụng cho doanh nghiệp nhỏ và vừa theo đúng đối tượng và đáp ứng các điều kiện quy định;

2. Sử dụng vốn đúng mục đích để thực hiện bảo lãnh tín dụng cho doanh nghiệp nhỏ và vừa;

3. Thực hiện chế độ kế toán, thống kê và báo cáo tài chính theo quy định tại Điều lệ và quy định của pháp luật có liên quan;

4. Chịu sự thanh tra, kiểm tra, kiểm toán của các cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật;

5. Cung cấp số liệu, công bố công khai về quy chế hoạt động, cơ chế tài chính, kế hoạch tài chính, kết quả hoạt động của Quỹ và báo cáo tài chính hàng năm đã được kiểm toán theo quy định tại Điều lệ và quy định của pháp luật có liên quan;

6. Mua bảo hiểm tài sản, bảo hiểm rủi ro hoạt động bảo lãnh tín dụng và các loại bảo hiểm khác theo quy định của pháp luật để đảm bảo an toàn cho Quỹ bảo lãnh tín dụng thành phố Cần Thơ;

7. Chấp hành nghiêm chỉnh pháp luật của Nhà nước và các quy định khác có liên quan đến hoạt động của Quỹ bảo lãnh tín dụng thành phố Cần Thơ.

Chương III
TỔ CHỨC, QUẢN LÝ QUỸ BẢO LÃNH TÍN DỤNG
THÀNH PHỐ CẦN THƠ

Điều 13. Cơ cấu tổ chức và hoạt động của Quỹ bảo lãnh tín dụng

1. Chủ tịch Quỹ bảo lãnh tín dụng.
2. Kiểm soát viên.
3. Ban điều hành gồm: Giám đốc Quỹ, các Phó Giám đốc, Kế toán trưởng và bộ máy giúp việc.

Điều 14. Chủ tịch Quỹ bảo lãnh tín dụng thành phố Cần Thơ

1. Chủ tịch Quỹ bảo lãnh tín dụng thành phố Cần Thơ do Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ bổ nhiệm và hoạt động chuyên trách theo quy định, thực hiện các chức năng:

a) Chủ tịch Quỹ bảo lãnh tín dụng thành phố Cần Thơ là người đại diện chủ sở hữu trực tiếp tại Quỹ bảo lãnh tín dụng thành phố Cần Thơ; nhân danh Quỹ bảo lãnh tín dụng thành phố Cần Thơ thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Quỹ bảo lãnh tín dụng thành phố Cần Thơ theo quyền hạn và nhiệm vụ được giao theo quy định tại Điều lệ này và quy định pháp luật có liên quan.

b) Chủ tịch Quỹ bảo lãnh tín dụng thành phố Cần Thơ chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ và pháp luật về mọi hoạt động của Quỹ bảo lãnh tín dụng thành phố Cần Thơ.

2. Tiêu chuẩn, điều kiện được bổ nhiệm Chủ tịch Quỹ bảo lãnh tín dụng thành phố Cần Thơ

- a) Là công dân Việt Nam theo quy định của pháp luật;
- b) Có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, có đủ sức khỏe để đảm đương nhiệm vụ;
- c) Có trình độ đại học trở lên, có kinh nghiệm ít nhất 05 năm là người quản lý, điều hành trong các lĩnh vực về kinh tế, tài chính, ngân hàng, luật, kế toán, kiểm toán, chứng khoán, bảo hiểm;
- d) Không phải là vợ hoặc chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu của Chủ tịch, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ; Giám đốc, Phó Giám đốc và Kế toán trưởng của Quỹ bảo lãnh tín dụng;
- đ) Các tiêu chuẩn và điều kiện khác theo yêu cầu quản lý của Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ quy định tại Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ bảo lãnh tín dụng thành phố Cần Thơ.

3. Quyền hạn và trách nhiệm của Chủ tịch Quỹ bảo lãnh tín dụng thành phố Cần Thơ

a) Quyết định chiến lược, kế hoạch hoạt động, kế hoạch tài chính hàng năm, trung và dài hạn của Quỹ bảo lãnh tín dụng sau khi có ý kiến chấp thuận của Ủy ban nhân dân thành phố;

b) Quyết định phê duyệt báo cáo tài chính, phân phối lợi nhuận, trích lập các quỹ hàng năm của Quỹ bảo lãnh tín dụng sau khi có ý kiến thẩm định của Kiểm soát viên và ý kiến chấp thuận của Ủy ban nhân dân thành phố;

c) Quyết định phương án tổ chức hoạt động, biên chế, tổ chức bộ máy quản lý Quỹ bảo lãnh tín dụng theo quy định tại Nghị định 34/2018/NĐ-CP, Điều lệ này và pháp luật liên quan sau khi được Ủy ban nhân dân thành phố chấp thuận về chủ trương;

d) Quyết định ban hành các Quy chế cấp bảo lãnh tín dụng, Quy chế quản lý tài chính và huy động vốn, Quy chế quản lý và sử dụng các quỹ, Quy chế xử lý rủi ro và các văn bản quản lý nội bộ khác quy định tại Nghị định 34/2018/NĐ-CP và Điều lệ này sau khi được Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt;

đ) Quyết định việc quy hoạch, bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng, khen thưởng, kỷ luật đối với các chức danh quản lý Quỹ bảo lãnh tín dụng thuộc thẩm quyền quy định tại Nghị định 34/2018/NĐ-CP và Điều lệ này;

e) Quyết định hoặc ủy quyền cho Giám đốc Quỹ quyết định phương án huy động vốn, đầu tư, xây dựng, mua bán tài sản cố định và các hoạt động khác theo thẩm quyền quy định tại Nghị định 34/2018/NĐ-CP, Điều lệ này và pháp luật có liên quan;

g) Thực hiện các quyền hạn và trách nhiệm khác theo yêu cầu quản lý của Ủy ban nhân dân thành phố quy định tại Nghị định 34/2018/NĐ-CP và Điều lệ này.

Điều 15. Kiểm soát viên Quỹ bảo lãnh tín dụng thành phố Cần Thơ

1. Kiểm soát viên Quỹ bảo lãnh tín dụng thành phố Cần Thơ do Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ bổ nhiệm để giúp Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ kiểm soát việc tổ chức thực hiện các hoạt động quản lý, điều hành của Chủ tịch và Giám đốc Quỹ bảo lãnh tín dụng và các nội dung khác có liên quan.

2. Tiêu chuẩn, điều kiện được bổ nhiệm Kiểm soát viên:

a) Đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại điểm a, điểm b, điểm d và điểm đ Khoản 2 Điều 14 Điều lệ;

b) Có trình độ đại học trở lên, có kinh nghiệm ít nhất 03 năm là người quản lý, điều hành trong các lĩnh vực về kinh tế, tài chính, ngân hàng, luật, kế toán, kiểm toán, chứng khoán, bảo hiểm.

3. Chế độ hoạt động, trách nhiệm và quyền hạn, việc bổ nhiệm của Kiểm soát viên Quỹ bảo lãnh tín dụng, mối quan hệ giữa Kiểm soát viên với các tổ chức, cá nhân có liên quan và các nội dung khác thực hiện theo Quy chế hoạt

động của Kiểm soát viên Quỹ bảo lãnh tín dụng do Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ ban hành, phù hợp với các quy định pháp luật có liên quan.

Điều 16. Giám đốc Quỹ bảo lãnh tín dụng thành phố Cần Thơ

1. Tiêu chuẩn, điều kiện được bổ nhiệm Giám đốc Quỹ bảo lãnh tín dụng thành phố Cần Thơ theo quy định tại Khoản 2 Điều 14 Điều lệ.

2. Quyền hạn và trách nhiệm của Giám đốc Quỹ bảo lãnh tín dụng thành phố Cần Thơ:

a) Tổ chức điều hành mọi hoạt động của Quỹ bảo lãnh tín dụng thành phố Cần Thơ; thực hiện và đánh giá kết quả thực hiện các quyết định của Chủ tịch Quỹ bảo lãnh tín dụng và Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ;

b) Quyết định các vấn đề liên quan đến hoạt động hàng ngày của Quỹ bảo lãnh tín dụng thành phố Cần Thơ; quyết định phương án đầu tư, huy động vốn, sử dụng vốn, phương án mua, bán, cho thuê, thanh lý tài sản và các vấn đề khác thuộc thẩm quyền theo Nghị định 34/2018/NĐ-CP và Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ bảo lãnh tín dụng cho doanh nghiệp nhỏ và vừa thành phố Cần Thơ;

c) Đề xuất, xây dựng trình Chủ tịch Quỹ bảo lãnh tín dụng thành phố Cần Thơ quyết định theo thẩm quyền về chiến lược hoạt động, kế hoạch hoạt động, kế hoạch tài chính dài hạn, trung hạn và kế hoạch hàng năm, kế hoạch nhân sự, tiền lương của Quỹ bảo lãnh tín dụng thành phố Cần Thơ theo Nghị định 34/2018/NĐ-CP và Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ; tổ chức thực hiện các kế hoạch này sau khi được các cấp có thẩm quyền phê duyệt;

d) Ban hành các văn bản quản lý nội bộ và các quy định khác liên quan đến hoạt động của Quỹ bảo lãnh tín dụng thành phố Cần Thơ theo quy định;

đ) Trình Chủ tịch Quỹ bảo lãnh tín dụng thành phố Cần Thơ quyết định việc quy hoạch, bổ nhiệm, miễn nhiệm, khen thưởng, kỷ luật đối với các chức danh quản lý Quỹ theo quy định;

e) Giám đốc quyết định quy hoạch, bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng, khen thưởng, kỷ luật đối với các chức danh Trưởng, Phó phòng sau khi có ý kiến của Chủ tịch, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền quyết định của Chủ tịch Quỹ bảo lãnh tín dụng thành phố Cần Thơ.

g) Ban hành quy chế quản lý nội bộ đã được Chủ tịch Quỹ bảo lãnh tín dụng thành phố Cần Thơ chấp thuận.

h) Ký kết hợp đồng, thỏa thuận nhân danh Quỹ bảo lãnh tín dụng thành phố Cần Thơ trừ trường hợp thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Quỹ bảo lãnh tín dụng thành phố Cần Thơ.

i) Tuyển dụng lao động.

k) Thực hiện các quyền và nhiệm vụ khác theo yêu cầu quản lý của Chủ tịch Quỹ bảo lãnh tín dụng thành phố Cần Thơ và Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố.

Điều 17. Quan hệ giữa Chủ tịch Quỹ bảo lãnh tín dụng thành phố Cần Thơ và Giám đốc trong quản lý, điều hành Quỹ bảo lãnh tín dụng thành phố Cần Thơ

1. Khi tổ chức thực hiện các quyết định của Chủ tịch Quỹ bảo lãnh tín dụng thành phố Cần Thơ nếu phát hiện vấn đề không có lợi cho Quỹ bảo lãnh tín dụng thành phố Cần Thơ thì Giám đốc báo cáo với Chủ tịch Quỹ bảo lãnh tín dụng thành phố Cần Thơ để xem xét điều chỉnh lại quyết định. Trường hợp Chủ tịch Quỹ bảo lãnh tín dụng thành phố Cần Thơ không điều chỉnh lại quyết định thì Giám đốc có thể báo cáo chủ sở hữu, nhưng trong khi chờ ý kiến của chủ sở hữu vẫn phải thực hiện quyết định của Chủ tịch Quỹ bảo lãnh tín dụng thành phố Cần Thơ.

2. Mọi quyết định của Giám đốc trái với quyết định của Chủ tịch Quỹ bảo lãnh tín dụng thành phố Cần Thơ hoặc vượt thẩm quyền theo phân cấp của Chủ tịch Quỹ bảo lãnh tín dụng thành phố Cần Thơ sẽ không có hiệu lực thi hành; đồng thời Giám đốc phải chịu trách nhiệm trước pháp luật do không thực hiện quyết định của Chủ tịch Quỹ bảo lãnh tín dụng thành phố Cần Thơ và quyết định vượt thẩm quyền.

3. Căn cứ kế hoạch hoạt động được Chủ tịch Quỹ bảo lãnh tín dụng thành phố Cần Thơ quyết định, Giám đốc lập và gửi báo cáo bằng văn bản về tình hình hoạt động hàng tháng, quý, năm và phương hướng thực hiện trong kỳ tới của Quỹ bảo lãnh tín dụng thành phố Cần Thơ cho Chủ tịch Quỹ bảo lãnh tín dụng thành phố Cần Thơ; có trách nhiệm báo cáo đột xuất về các vấn đề quản trị, tổ chức quản lý và điều hành của Quỹ bảo lãnh tín dụng thành phố Cần Thơ theo yêu cầu của Chủ tịch Quỹ bảo lãnh tín dụng thành phố Cần Thơ.

4. Giám đốc phải mời Chủ tịch Quỹ bảo lãnh tín dụng thành phố Cần Thơ hoặc người được Chủ tịch Quỹ bảo lãnh tín dụng thành phố Cần Thơ ủy quyền tham dự các cuộc họp đề án trình Chủ tịch Quỹ bảo lãnh tín dụng thành phố Cần Thơ hoặc trình chủ sở hữu Quỹ bảo lãnh tín dụng thành phố Cần Thơ do Giám đốc chủ trì để phối hợp chuẩn bị nội dung có liên quan. Chủ tịch Quỹ bảo lãnh tín dụng thành phố Cần Thơ hoặc người được ủy quyền tham dự có quyền phát biểu ý kiến nhưng không kết luận cuộc họp.

5. Trường hợp cuộc họp do Chủ tịch Quỹ bảo lãnh tín dụng thành phố Cần Thơ chủ trì để xem xét quyết định các vấn đề thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Quỹ bảo lãnh tín dụng thành phố Cần Thơ, Giám đốc dự họp có quyền phát biểu đóng góp ý kiến, nhưng không có quyền kết luận cuộc họp.

Điều 18. Phó Giám đốc, Kế toán trưởng và bộ máy giúp việc Quỹ bảo lãnh tín dụng thành phố Cần Thơ

1. Phó Giám đốc Quỹ bảo lãnh tín dụng

a) Phó Giám đốc Quỹ bảo lãnh tín dụng giúp Giám đốc điều hành Quỹ bảo lãnh tín dụng theo phân công và ủy quyền của Giám đốc Quỹ; chịu trách nhiệm trước Giám đốc và trước pháp luật về nhiệm vụ được phân công và ủy quyền. Chủ tịch Quỹ bảo lãnh tín dụng quyết định cơ cấu, số lượng Phó giám đốc theo

quy mô và đặc điểm hoạt động của Quỹ bảo lãnh tín dụng trong quá trình hoạt động sau khi có ý kiến phê duyệt của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh;

b) Tiêu chuẩn, điều kiện được bổ nhiệm Phó giám đốc Quỹ bảo lãnh tín dụng theo quy định tại Khoản 2 Điều 15 Điều lệ này.

2. Kế toán trưởng Quỹ bảo lãnh tín dụng

a) Kế toán trưởng Quỹ bảo lãnh tín dụng chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện công tác kế toán, thông kê của Quỹ bảo lãnh tín dụng theo phân công và ủy quyền của Giám đốc và phù hợp với quy định của pháp luật về kế toán và pháp luật có liên quan; giúp Giám đốc Quỹ giám sát hoạt động tài chính của Quỹ bảo lãnh tín dụng theo quy định của pháp luật về tài chính, kế toán; chịu trách nhiệm trước Giám đốc, trước Chủ tịch Quỹ bảo lãnh tín dụng và trước pháp luật về thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được phân công hoặc ủy quyền;

b) Ngoài tiêu chuẩn, điều kiện được bổ nhiệm quy định tại khoản 2 Điều 15 Điều lệ này, Kế toán trưởng Quỹ bảo lãnh tín dụng phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại Điều 53, Điều 54 Luật kế toán ngày 20 tháng 11 năm 2015.

3. Bộ máy giúp việc của Quỹ bảo lãnh tín dụng thành phố Cần Thơ gồm các phòng, ban chuyên môn, nghiệp vụ có chức năng tham mưu, giúp việc Chủ tịch và Giám đốc Quỹ điều hành, quản lý Quỹ bảo lãnh tín dụng thành phố Cần Thơ.

Cơ cấu tổ chức và chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của bộ máy giúp việc do Giám đốc quyết định sau khi được Chủ tịch Quỹ bảo lãnh tín dụng thành phố Cần Thơ chấp thuận.

Điều 19. Hình thức tham gia quản lý của người lao động

Người lao động tham gia quản lý Quỹ bảo lãnh tín dụng thành phố Cần Thơ thông qua các hình thức và tổ chức sau đây:

- 1. Hội nghị người lao động.**
- 2. Tổ chức công đoàn.**
- 3. Ban Thanh tra nhân dân.**
- 4. Thực hiện quyền khiếu nại, tố cáo theo quy định của pháp luật.**

Điều 20. Nội dung tham gia quản lý Quỹ bảo lãnh tín dụng thành phố Cần Thơ của người lao động

1. Người lao động có quyền tham gia thảo luận, đóng góp ý kiến và đề xuất với cấp có thẩm quyền các vấn đề sau:

a) Xây dựng và tổ chức thực hiện các nội quy, quy chế nội bộ Quỹ bảo lãnh tín dụng thành phố Cần Thơ liên quan trực tiếp đến quyền lợi và nghĩa vụ của người lao động;

b) Nội dung của dự thảo hoặc dự thảo sửa đổi, bổ sung thỏa ước lao động tập thể trước khi ký kết;

c) Các giải pháp nâng cao năng suất lao động, chất lượng dịch vụ, an toàn lao động, vệ sinh lao động, bảo vệ môi trường, cải thiện điều kiện làm việc, sắp xếp bố trí lao động;

d) Phương án tổ chức lại, chuyển đổi Quỹ bảo lãnh tín dụng thành phố Cần Thơ;

đ) Tham gia bỏ phiếu tín nhiệm đối với các chức danh quản lý, điều hành Quỹ bảo lãnh tín dụng thành phố Cần Thơ khi được yêu cầu theo quy định của pháp luật;

e) Các vấn đề khác theo quy định của pháp luật có liên quan.

2. Tập thể người lao động trong Quỹ bảo lãnh tín dụng thành phố Cần Thơ có quyền tham gia giám sát:

a) Việc thực hiện nghị quyết Hội nghị người lao động;

b) Việc thực hiện các nội quy, quy định, quy chế, Điều lệ của Quỹ bảo lãnh tín dụng thành phố Cần Thơ; thực hiện thỏa ước lao động tập thể; thực hiện hợp đồng lao động; thực hiện các chế độ, chính sách đối với người lao động;

c) Việc thu và sử dụng các loại quỹ do người lao động đóng góp;

d) Kết quả giải quyết khiếu nại, tố cáo và tranh chấp lao động; kết quả thi đua, khen thưởng hàng năm.

3. Hàng năm Quỹ bảo lãnh tín dụng thành phố Cần Thơ có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với Ban Chấp hành Công đoàn tổ chức Hội nghị người lao động để bàn giải pháp thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch kinh doanh mà Chủ tịch Quỹ bảo lãnh tín dụng thành phố Cần Thơ đã thông qua; đánh giá việc thực hiện thỏa ước lao động tập thể, các nội quy, quy chế của Quỹ bảo lãnh tín dụng thành phố Cần Thơ và những vấn đề khác liên quan tới quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của người lao động.

4. Quan hệ giữa Quỹ bảo lãnh tín dụng thành phố Cần Thơ và người lao động thực hiện theo các quy định pháp luật về lao động. Giám đốc lập kế hoạch để Chủ tịch Quỹ bảo lãnh tín dụng thành phố Cần Thơ thông qua các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng, lao động, tiền lương, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với người quản lý và người lao động trong Quỹ bảo lãnh tín dụng thành phố Cần Thơ cũng như mối quan hệ giữa Quỹ bảo lãnh tín dụng thành phố Cần Thơ với các tổ chức Công đoàn của người lao động.

Chương IV

QUYỀN, TRÁCH NHIỆM VÀ NGHĨA VỤ CỦA CHỦ SỞ HỮU NHÀ NƯỚC ĐỐI VỚI QUỸ BẢO LÃNH TÍN DỤNG THÀNH PHỐ CẦN THƠ

Điều 21. Tổ chức thực hiện các quyền và trách nhiệm của chủ sở hữu nhà nước đối với Quỹ bảo lãnh tín dụng thành phố Cần Thơ

1. Quyết định thành lập, tổ chức lại, chuyển đổi sở hữu, giải thể và yêu cầu phá sản Quỹ bảo lãnh tín dụng thành phố Cần Thơ phù hợp với quy định của Nghị định 34/2018/NĐ-CP và các văn bản pháp luật có liên quan.

2. Ban hành, sửa đổi và bổ sung Điều lệ Quỹ bảo lãnh tín dụng thành phố Cần Thơ.

3. Phê duyệt đề án, chiến lược, kế hoạch hoạt động 05 năm và dài hạn trên 05 năm.

4. Quyết định điều chỉnh vốn điều lệ trong quá trình hoạt động của Quỹ bảo lãnh tín dụng thành phố Cần Thơ.

5. Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ ban hành Danh mục cụ thể các ngành, nghề, lĩnh vực ưu tiên phát triển kinh tế - xã hội tại thành phố Cần Thơ trong từng thời kỳ được ưu tiên xem xét cấp bảo lãnh tín dụng.

6. Ủy ban nhân dân thành phố quyết định mức phí thẩm định hồ sơ, phí bảo lãnh tín dụng theo đề nghị của Quỹ bảo lãnh tín dụng.

7. Quyết định bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, chấp thuận đơn xin từ chức, khen thưởng, kỷ luật Chủ tịch Quỹ bảo lãnh tín dụng thành phố Cần Thơ, Kiểm soát viên. Phê duyệt chủ trương để Chủ tịch Quỹ bảo lãnh tín dụng thành phố Cần Thơ bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, chấp thuận đơn xin từ chức, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng, khen thưởng, kỷ luật Giám đốc.

8. Quyết định quỹ tiền lương, thù lao hàng năm của người quản lý Quỹ bảo lãnh tín dụng thành phố Cần Thơ theo quy định của pháp luật.

9. Ban hành Quy chế hoạt động của Kiểm soát viên.

10. Ban hành Quy chế về các biện pháp bảo đảm.

11. Có ý kiến chấp thuận để Chủ tịch Quỹ bảo lãnh tín dụng thành phố Cần Thơ phê duyệt và ký ban hành các Quy chế:

a) Báo cáo tài chính hàng năm, kế hoạch tài chính hàng năm, phương án phân phối lợi nhuận, trích lập các quỹ hàng năm của Quỹ bảo lãnh tín dụng thành phố Cần Thơ sau khi có ý kiến thẩm định của Kiểm soát viên.

b) Quy chế tài chính và huy động vốn của Quỹ bảo lãnh tín dụng thành phố Cần Thơ.

c) Quy chế cấp bảo lãnh tín dụng.

d) Quy chế quản lý và sử dụng các quỹ.

đ) Quy chế xử lý rủi ro.

12. Thực hiện giám sát, kiểm tra và thanh tra việc chấp hành pháp luật; việc quản lý, sử dụng, bảo toàn và phát triển vốn; việc thực hiện chiến lược, kế hoạch; việc thực hiện chế độ tuyển dụng, tiền lương, tiền thưởng của Quỹ bảo lãnh tín dụng thành phố Cần Thơ. Đánh giá việc thực hiện mục tiêu, nhiệm vụ, ngành, nghề kinh doanh được giao và kết quả hoạt động, hiệu quả sản xuất kinh doanh của Quỹ bảo lãnh tín dụng thành phố Cần Thơ. Đánh giá mức độ hoàn

thành nhiệm vụ trong quá trình quản lý, điều hành của người quản lý Quỹ bảo lãnh tín dụng thành phố Cần Thơ theo quy định của pháp luật.

13. Thực hiện các quyền và trách nhiệm khác theo quy định tại Điều lệ này và pháp luật có liên quan.

Điều 22. Tổ chức thực hiện nghĩa vụ của chủ sở hữu nhà nước đối với Quỹ bảo lãnh tín dụng thành phố Cần Thơ

1. Cấp đủ vốn điều lệ:

Chủ sở hữu có nghĩa vụ cấp đủ vốn điều lệ theo lộ trình sau khi cấp có thẩm quyền quyết định mức vốn điều lệ.

2. Tuân thủ Điều lệ Quỹ bảo lãnh tín dụng thành phố Cần Thơ

Tổ chức, cá nhân thực hiện quyền, trách nhiệm của chủ sở hữu nhà nước tại Quỹ bảo lãnh tín dụng thành phố Cần Thơ có nghĩa vụ tuân thủ Điều lệ này và phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về những quyết định không đúng thẩm quyền.

3. Chủ sở hữu có nghĩa vụ bảo đảm quyền hoạt động theo pháp luật của Quỹ bảo lãnh tín dụng thành phố Cần Thơ; bảo đảm để Chủ tịch Quỹ bảo lãnh tín dụng thành phố Cần Thơ, Giám đốc chủ động quản lý, điều hành có hiệu quả Quỹ bảo lãnh tín dụng thành phố Cần Thơ theo quy định của pháp luật và Điều lệ Quỹ bảo lãnh tín dụng thành phố Cần Thơ.

Chương V
HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ BẢO LÃNH TÍN DỤNG
THÀNH PHỐ CẦN THƠ

Điều 23. Đối tượng được cấp bảo lãnh tín dụng

1. Đối tượng được Quỹ bảo lãnh tín dụng thành phố Cần Thơ cấp bảo lãnh tín dụng là các doanh nghiệp nhỏ và vừa theo quy định của Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa và các văn bản hướng dẫn, có tiềm năng phát triển nhưng chưa đủ điều kiện tiếp cận tín dụng ngân hàng ở các lĩnh vực được ưu tiên cấp tín dụng theo quy định tại Điều lệ này và Nghị định 34/2018/NĐ-CP.

2. Các doanh nghiệp nhỏ và vừa vay vốn để đầu tư, sản xuất kinh doanh trong các lĩnh vực sau sẽ được ưu tiên xem xét cấp bảo lãnh tín dụng:

a. Các lĩnh vực được ưu tiên cấp tín dụng theo hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam trong từng thời kỳ;

b. Các lĩnh vực hoặc dự án thuộc lĩnh vực ưu tiên phát triển kinh tế - xã hội tại địa phương trong từng thời kỳ.

Điều 24. Điều kiện để được cấp bảo lãnh tín dụng

Các đối tượng được bảo lãnh tín dụng khi đáp ứng đủ các điều kiện sau:

1. Có dự án đầu tư, phương án sản xuất kinh doanh có hiệu quả, có khả năng hoàn trả vốn vay.

2. Dự án đầu tư, phương án sản xuất kinh doanh được Quỹ bảo lãnh tín dụng thành phố Cần Thơ thẩm định và quyết định bảo lãnh theo quy định.

3. Có phương án về vốn chủ sở hữu tối thiểu 20% tham gia dự án đầu tư, phương án sản xuất kinh doanh tại thời điểm Quỹ bảo lãnh tín dụng thành phố Cần Thơ thẩm định để xem xét cấp bảo lãnh.

4. Tại thời điểm đề nghị bảo lãnh, doanh nghiệp không có các khoản nợ thuế từ 01 năm trở lên theo Luật quản lý thuế và nợ xấu tại các tổ chức tín dụng. Trường hợp nợ thuế do nguyên nhân khách quan, doanh nghiệp phải có xác nhận của cơ quan quản lý thuế trực tiếp.

5. Có biện pháp bảo đảm cho bảo lãnh vay vốn theo quy định tại Điều 24 Nghị định 34/2018/NĐ-CP và Điều 33 Điều lệ này.

Điều 25. Phạm vi bảo lãnh tín dụng

1. Quỹ bảo lãnh tín dụng thành phố Cần Thơ xem xét cấp bảo lãnh tín dụng cho doanh nghiệp nhỏ và vừa tối đa bằng 100% giá trị khoản vay (bao gồm cả vốn lưu động và vốn trung, dài hạn) tại tổ chức cho vay. Căn cứ vào tính khả thi, mức độ rủi ro của doanh nghiệp, dự án đầu tư, phương án sản xuất kinh doanh và khả năng tài chính của Quỹ, Quỹ bảo lãnh tín dụng thành phố Cần Thơ xem xét, quyết định cụ thể mức bảo lãnh cho doanh nghiệp.

2. Bảo lãnh của Quỹ bảo lãnh tín dụng thành phố Cần Thơ bao gồm một trong các trường hợp sau đây:

a) Bảo lãnh nghĩa vụ trả nợ gốc khoản vay của bên được bảo lãnh tại các tổ chức cho vay;

b) Bảo lãnh nghĩa vụ trả lãi khoản vay của bên được bảo lãnh tại các tổ chức cho vay;

c) Bảo lãnh nghĩa vụ trả nợ gốc và nợ lãi khoản vay của bên được bảo lãnh tại các tổ chức cho vay và phải được quy định cụ thể tại hợp đồng bảo lãnh tín dụng.

3. Căn cứ vào khả năng tài chính, quản trị điều hành của Quỹ bảo lãnh tín dụng thành phố Cần Thơ, tính khả thi và mức độ rủi ro của dự án đầu tư, phương án sản xuất kinh doanh, Quỹ bảo lãnh tín dụng thành phố Cần Thơ xem xét, quyết định phạm vi bảo lãnh tín dụng quy định tại Khoản 2 Điều này và phải được quy định cụ thể tại hợp đồng bảo lãnh tín dụng.

Điều 26. Thời hạn cấp bảo lãnh tín dụng

1. Thời hạn cấp bảo lãnh tín dụng của Quỹ bảo lãnh tín dụng thành phố Cần Thơ được xác định phù hợp với thời hạn vay vốn đã thỏa thuận giữa các bên được bảo lãnh và bên nhận bảo lãnh tại hợp đồng tín dụng và được quy định rõ trong hợp đồng bảo lãnh tín dụng, chứng thư bảo lãnh ký kết giữa các bên liên quan theo quy định.

2. Trong thời hạn cấp bảo lãnh, khách hàng không đáp ứng đủ điều kiện, tiêu chuẩn là doanh nghiệp nhỏ và vừa theo quy định của pháp luật thì Quỹ bảo lãnh tín dụng thành phố Cần Thơ tiếp tục cấp bảo lãnh tín dụng cho khách hàng theo hợp đồng bảo lãnh tín dụng đã ký với bên được bảo lãnh cho đến khi hết thời hạn bảo lãnh theo hợp đồng.

Điều 27. Đồng tiền và giới hạn cấp bảo lãnh tín dụng

1. Đồng tiền bảo lãnh tín dụng là đồng Việt Nam (VND).

2. Giới hạn bảo lãnh vay vốn đầu tư: Tổng mức bảo lãnh tín dụng của Quỹ bảo lãnh tín dụng thành phố Cần Thơ tính trên vốn điều lệ thực có của Quỹ bảo lãnh tín dụng thành phố Cần Thơ không vượt quá 15% đối với một khách hàng và không vượt quá 20% đối với một khách hàng và người có liên quan.

3. Giới hạn bảo lãnh vay vốn lưu động: Ngoài quy định về giới hạn bảo lãnh vay vốn tại khoản 2 Điều này, giới hạn bảo lãnh vay vốn lưu động của Quỹ bảo lãnh tín dụng thành phố Cần Thơ tối đa không vượt quá vốn chủ sở hữu của khách hàng thể hiện tại báo cáo tài chính của doanh nghiệp nộp cho cơ quan quản lý thuế của năm trước liền kề.

4. Tổng mức bảo lãnh tín dụng của Quỹ bảo lãnh tín dụng thành phố Cần Thơ cho các bên được bảo lãnh quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều này tối đa không vượt quá 03 lần vốn điều lệ thực có của Quỹ bảo lãnh tín dụng thành phố Cần Thơ.

Điều 28. Chi phí hoạt động bảo lãnh tín dụng

1. Các chi phí liên quan đến hoạt động bảo lãnh tín dụng bao gồm:

a) Chi phí thẩm định hồ sơ bảo lãnh tín dụng khách hàng trả cho Quỹ bảo lãnh tín dụng thành phố Cần Thơ cùng với hồ sơ đề nghị bảo lãnh tín dụng;

b) Chi phí bảo lãnh tín dụng tính trên số tiền được bảo lãnh và thời hạn bảo lãnh. Thời hạn thu phí bảo lãnh tín dụng được ghi trong hợp đồng bảo lãnh theo thỏa thuận giữa Quỹ bảo lãnh tín dụng thành phố Cần Thơ và bên được bảo lãnh, phù hợp với thời hạn bảo lãnh tín dụng.

2. Quỹ bảo lãnh tín dụng thành phố Cần Thơ trình Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ xem xét, quyết định các mức chi phí cụ thể theo quy định tại khoản 1 Điều này trong từng thời kỳ để Quỹ bảo lãnh tín dụng thành phố Cần Thơ có căn cứ thực hiện.

3. Việc miễn, giảm chi phí bảo lãnh tín dụng thực hiện theo quy định tại Quy chế quy định cụ thể về các trường hợp, lĩnh vực được miễn, giảm chi phí bảo lãnh tín dụng do Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ ban hành trên cơ sở đề nghị của Chủ tịch Quỹ bảo lãnh tín dụng thành phố Cần Thơ. Nguyên tắc để xác định mức độ miễn, giảm chi phí bảo lãnh tín dụng bao gồm:

a) Thuộc lĩnh vực được miễn, giảm chi phí bảo lãnh tín dụng đối với các lĩnh vực ưu tiên của địa phương;

b) Phù hợp với khả năng tài chính của Quỹ bảo lãnh tín dụng thành phố Cần Thơ;

c) Thẩm quyền phê duyệt đối với từng trường hợp cụ thể là Chủ tịch Quỹ bảo lãnh tín dụng thành phố Cần Thơ trên cơ sở đề nghị của Giám đốc Quỹ.

Điều 29. Hồ sơ đề nghị bảo lãnh tín dụng

1. Giấy đề nghị bảo lãnh tín dụng của bên được bảo lãnh.

Các văn bản, tài liệu chứng minh bên được bảo lãnh có đủ các điều kiện được bảo lãnh tín dụng theo quy định tại Điều 24 Điều lệ và các tài liệu khác có liên quan theo quy định của Quỹ bảo lãnh tín dụng thành phố Cần Thơ.

2. Doanh nghiệp nhỏ và vừa nộp hồ sơ đề nghị bảo lãnh trực tiếp tại Quỹ bảo lãnh tín dụng thành phố Cần Thơ trên cùng địa bàn (nơi doanh nghiệp nhỏ và vừa đăng ký kinh doanh và có trụ sở trên địa bàn) hoặc qua bưu điện, trực tuyến.

3. Giám đốc Quỹ bảo lãnh tín dụng thành phố Cần Thơ trình Chủ tịch Quỹ bảo lãnh tín dụng thành phố Cần Thơ ban hành quy định cụ thể về thành phần hồ sơ khách hàng đề nghị bảo lãnh tín dụng theo quy định.

Điều 30. Thẩm định hồ sơ và quyết định cấp bảo lãnh tín dụng

1. Bên bảo lãnh có trách nhiệm thẩm định tính đầy đủ của các hồ sơ, tài liệu do bên được bảo lãnh gửi đến; thực hiện thẩm định tính hiệu quả, khả năng hoàn trả vốn vay của dự án đầu tư, phương án sản xuất kinh doanh và các điều kiện bảo lãnh khác theo quy định.

2. Bên bảo lãnh có trách nhiệm xây dựng, ban hành quy trình thẩm định tính hiệu quả, khả năng hoàn trả vốn vay của dự án đầu tư, phương án sản xuất kinh doanh của bên được bảo lãnh theo nguyên tắc đảm bảo tính độc lập và phân định rõ ràng trách nhiệm, nghĩa vụ của các cá nhân, tổ chức liên quan trong quá trình thẩm định và quyết định cấp bảo lãnh tín dụng.

3. Chậm nhất sau 30 ngày kể từ khi nhận đầy đủ hồ sơ xin bảo lãnh tín dụng hợp lệ, bên bảo lãnh phải hoàn thành xem xét việc bảo lãnh tín dụng cho bên được bảo lãnh. Quyết định bảo lãnh tín dụng cho bên được bảo lãnh được thực hiện bằng văn bản dưới hình thức hợp đồng bảo lãnh tín dụng giữa bên bảo lãnh, bên nhận bảo lãnh và bên được bảo lãnh. Trường hợp từ chối không cấp bảo lãnh tín dụng, bên bảo lãnh phải thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do không chấp thuận cho bên được bảo lãnh.

Điều 31. Hợp đồng bảo lãnh tín dụng

1. Hợp đồng bảo lãnh tín dụng do 02 bên (bên bảo lãnh và bên được bảo lãnh) hoặc 03 bên (gồm: Bên bảo lãnh, bên nhận bảo lãnh và bên được bảo lãnh) thỏa thuận, ký kết nhưng phải đảm bảo tuân thủ các quy định tại Điều lệ và bao gồm các nội dung cơ bản sau:

a) Tên, địa chỉ của bên bảo lãnh, bên được bảo lãnh và bên nhận bảo lãnh (đối với trường hợp hợp đồng bảo lãnh tín dụng do 03 bên ký kết);

b) Địa điểm, thời điểm ký hợp đồng bảo lãnh tín dụng;

- c) Nghĩa vụ trả nợ gốc, trả nợ lãi;
- d) Thời hạn hiệu lực và chi phí bảo lãnh tín dụng;
- đ) Mục đích, nội dung bảo lãnh tín dụng;
- e) Điều kiện thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh;
- g) Biện pháp bảo đảm bảo lãnh;
- h) Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của từng bên (bên bảo lãnh, bên được bảo lãnh và bên nhận bảo lãnh) trong quá trình thực hiện bảo lãnh tín dụng;
- i) Thỏa thuận về các biện pháp thu hồi nợ bên nhận bảo lãnh phải thực hiện sau khi bên được bảo lãnh không trả được nợ hoặc trả nợ không đầy đủ cho bên nhận bảo lãnh và phương thức để chứng minh đã thực hiện các biện pháp này trước khi thông báo cho bên bảo lãnh thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh theo quy định;
- k) Thỏa thuận cụ thể về việc xử lý trong trường hợp bên bảo lãnh trả nợ thay (gồm lãi suất, thời hạn) cho bên được bảo lãnh;
- l) Thỏa thuận về cách thức, nội dung giải quyết tranh chấp phát sinh trong quá trình thực hiện hợp đồng bảo lãnh;
- m) Những thỏa thuận khác phục vụ cho yêu cầu quản lý của Quỹ bảo lãnh tín dụng thành phố Cần Thơ.

2. Khi có sự thay đổi các điều khoản trong hợp đồng tín dụng, bên được bảo lãnh phải có trách nhiệm thông báo cho bên bảo lãnh xem xét chấp thuận việc điều chỉnh hợp đồng bảo lãnh tín dụng. Hợp đồng bảo lãnh tín dụng được sửa đổi, bổ sung hoặc hủy bỏ khi các bên có liên quan thỏa thuận và thống nhất.

3. Quỹ bảo lãnh tín dụng thành phố Cần Thơ xây dựng mẫu hợp đồng bảo lãnh tín dụng đảm bảo tuân thủ các nội dung quy định tại Khoản 1 Điều này và trình Chủ tịch Quỹ bảo lãnh tín dụng thành phố Cần Thơ phê duyệt.

Điều 32. Chứng thư bảo lãnh

1. Bảo lãnh vay vốn của bên bảo lãnh được thực hiện bằng văn bản dưới hình thức Chứng thư bảo lãnh.

2. Nội dung của Chứng thư bảo lãnh bao gồm các nội dung cơ bản sau:

- a) Tên, địa chỉ của bên bảo lãnh, bên nhận bảo lãnh, bên được bảo lãnh;
- b) Ngày phát hành chứng thư bảo lãnh, nghĩa vụ trả nợ gốc, trả nợ lãi;
- c) Điều kiện cụ thể việc thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh;
- d) Thời hạn hiệu lực của chứng thư bảo lãnh;
- đ) Các hồ sơ liên quan đến việc đề nghị thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh tín dụng của bên nhận bảo lãnh đối với bên bảo lãnh;
- e) Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của các bên trong quá trình thực hiện các nội dung trong chứng thư bảo lãnh; quy định các nội dung liên quan đến nội dung, xử lý giải quyết tranh chấp nếu phát sinh;

g) Các biện pháp thu hồi nợ bên nhận bảo lãnh phải thực hiện sau khi bên được bảo lãnh không trả được nợ hoặc trả nợ không đầy đủ cho bên nhận bảo lãnh và phương thức chứng minh đã thực hiện các biện pháp này trước khi thông báo cho bên bảo lãnh thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh theo quy định;

h) Các nội dung khác theo thỏa thuận của các bên có liên quan.

3. Chứng thư bảo lãnh được sửa đổi, bổ sung hoặc hủy bỏ khi các bên có liên quan thỏa thuận và thống nhất cụ thể.

Điều 33. Biện pháp bảo đảm cho hoạt động bảo lãnh vay vốn

1. Các biện pháp bảo đảm cho hoạt động bảo lãnh vay vốn của Quỹ bảo lãnh tín dụng thành phố Cần Thơ gồm:

a) Quyền tài sản, tài sản hiện có hoặc tài sản hình thành trong tương lai thuộc quyền sở hữu của doanh nghiệp được xem xét cấp bảo lãnh tín dụng hoặc tài sản hiện có của bên thứ ba;

b) Dự án đầu tư, phương án sản xuất kinh doanh khả thi, đảm bảo khả năng trả nợ của doanh nghiệp được xem xét cấp bảo lãnh tín dụng theo đánh giá của Quỹ bảo lãnh tín dụng thành phố Cần Thơ;

c) Xếp hạng tín nhiệm của doanh nghiệp được xem xét cấp bảo lãnh tín dụng theo đánh giá xếp hạng của Quỹ bảo lãnh tín dụng thành phố Cần Thơ là doanh nghiệp đảm bảo khả năng trả nợ cho khoản vay tại tổ chức cho vay.

2. Quỹ bảo lãnh tín dụng thành phố Cần Thơ đánh giá và quyết định việc sử dụng một hoặc nhiều biện pháp nhằm bảo đảm cho hoạt động bảo lãnh vay vốn và hoạt động của Quỹ bảo lãnh tín dụng thành phố Cần Thơ. Trường hợp miễn tài sản bảo đảm quy định tại điểm a Khoản 1 Điều này, Quỹ bảo lãnh tín dụng thành phố Cần Thơ trình Chủ tịch Quỹ xem xét, quyết định biện pháp bảo đảm tại điểm b, điểm c Khoản 1 Điều này theo quy định tại Quy chế về các trường hợp được miễn tài sản bảo đảm tại Khoản 4 Điều này.

3. Trong từng trường hợp, bên được bảo lãnh thỏa thuận, thống nhất với Quỹ bảo lãnh tín dụng thành phố Cần Thơ về biện pháp bảo đảm và ghi cụ thể trong hợp đồng bảo lãnh tín dụng.

4. Căn cứ vào các tiêu chí: Lĩnh vực ngành nghề ưu tiên phát triển của địa phương, điều kiện tài chính của doanh nghiệp, mức độ rủi ro của dự án đầu tư, phương án sản xuất kinh doanh và khả năng tài chính của Quỹ bảo lãnh tín dụng thành phố Cần Thơ và các tiêu chí khác theo yêu cầu của Ủy ban nhân dân thành phố, Quỹ bảo lãnh tín dụng thành phố Cần Thơ trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố ban hành Quy chế về các biện pháp bảo đảm, thẩm quyền quyết định đối với từng biện pháp bảo đảm, miễn tài sản bảo đảm theo quy định.

Điều 34. Quyền và nghĩa vụ của bên bảo lãnh

1. Bên bảo lãnh có quyền:

a) Yêu cầu bên được bảo lãnh cung cấp các giấy tờ, tài liệu liên quan và chứng minh đủ điều kiện được bảo lãnh tín dụng theo quy định tại Điều 24 Điều lệ này;

b) Đề nghị bên nhận bảo lãnh chấm dứt việc cho vay, thu hồi nợ trước hạn khi phát hiện thấy bên được bảo lãnh có những dấu hiệu vi phạm pháp luật hoặc vi phạm hợp đồng bảo lãnh tín dụng;

c) Thu các chi phí hoạt động bảo lãnh tín dụng theo quy định tại Điều 28 Điều lệ;

d) Thực hiện quyền của bên bảo lãnh theo cam kết với bên nhận bảo lãnh và bên được bảo lãnh;

đ) Từ chối cấp bảo lãnh tín dụng đối với khách hàng không đủ điều kiện bảo lãnh tín dụng;

e) Không thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh tín dụng thuộc trường hợp bên bảo lãnh được quyền không thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh nêu tại Khoản 1, Khoản 2 Điều 40, Điều 41 Điều lệ;

g) Khởi kiện theo quy định của pháp luật khi bên được bảo lãnh vi phạm nghĩa vụ cam kết;

h) Các quyền khác theo thỏa thuận của các bên phù hợp với quy định của pháp luật.

2. Nghĩa vụ của bên bảo lãnh:

a) Thực hiện thẩm định phương án tài chính và phương án trả nợ của dự án đầu tư, phương án sản xuất kinh doanh do bên được bảo lãnh gửi đến;

b) Phối hợp với bên nhận bảo lãnh kiểm tra, giám sát quá trình sử dụng vốn và hoàn trả nợ của bên được bảo lãnh theo quy định tại hợp đồng bảo lãnh tín dụng, chứng thư bảo lãnh;

c) Thực hiện nghĩa vụ của bên bảo lãnh theo cam kết với bên nhận bảo lãnh và bên được bảo lãnh;

d) Trường hợp bên bảo lãnh nắm giữ tài sản bảo đảm thì bên bảo lãnh phải chuyển giao toàn bộ quyền nắm giữ tài sản thế chấp cho tổ chức cho vay ngay sau khi bên bảo lãnh không đồng ý trả nợ thay cho bên được bảo lãnh;

đ) Cung cấp thông tin và báo cáo định kỳ, đột xuất cho các cơ quan quản lý nhà nước theo quy định;

e) Các nghĩa vụ khác theo thỏa thuận của các bên phù hợp với quy định của pháp luật.

Điều 35. Quyền và nghĩa vụ bên nhận bảo lãnh

1. Bên nhận bảo lãnh có quyền:

a) Yêu cầu bên bảo lãnh thực hiện nghĩa vụ của mình theo cam kết với bên nhận bảo lãnh và bên được bảo lãnh và các thỏa thuận khác có liên quan theo quy

định tại chứng thư bảo lãnh, hợp đồng bảo lãnh tín dụng và quy định của pháp luật có liên quan;

b) Yêu cầu bên được bảo lãnh chuyển giao quyền tiếp nhận và xử lý tài sản bảo đảm cho khoản vay; xử lý tài sản bảo đảm trong trường hợp bên được bảo lãnh không trả được nợ cho bên bảo lãnh và bên nhận bảo lãnh;

c) Khởi kiện theo quy định của pháp luật khi các bên vi phạm các thỏa thuận trong hợp đồng;

d) Yêu cầu bên bảo lãnh thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh khi bên được bảo lãnh không trả được nợ hoặc trả nợ không đầy đủ theo quy định;

đ) Các quyền khác theo thỏa thuận của các bên phù hợp với quy định của pháp luật.

2. Nghĩa vụ của bên nhận bảo lãnh:

a) Thực hiện nghĩa vụ của tổ chức cho vay đối với khách hàng và bên bảo lãnh theo quy định của Luật Các tổ chức tín dụng, Bộ luật dân sự, Điều lệ và các văn bản quy định của pháp luật có liên quan;

b) Thực hiện nghĩa vụ của bên nhận bảo lãnh được quy định tại chứng thư bảo lãnh đối với các nội dung sau:

- Nghĩa vụ liên quan đến bên nhận bảo lãnh.

- Thông báo của bên nhận bảo lãnh cho Quỹ bảo lãnh tín dụng thành phố Cần Thơ bằng văn bản các nội dung liên quan đến khoản cho vay của bên được bảo lãnh.

- Trường hợp bên nhận bảo lãnh nắm giữ tài sản bảo đảm thì bên nhận bảo lãnh phải bảo toàn tài sản thế chấp; chuyển giao tài sản thế chấp cho Quỹ bảo lãnh tín dụng thành phố Cần Thơ khi Quỹ bảo lãnh tín dụng thành phố Cần Thơ thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh cho bên được bảo lãnh.

- Các nghĩa vụ khác theo quy định tại chứng thư bảo lãnh tín dụng.

c) Kiểm tra, giám sát việc sử dụng vốn vay, tài sản hình thành từ vốn vay, việc hoàn trả nợ vay của bên được bảo lãnh để đảm bảo việc sử dụng vốn, tài sản hình thành từ vốn vay đúng mục đích, hoàn trả nợ vay theo đúng cam kết tại hợp đồng tín dụng;

d) Cung cấp cho bên bảo lãnh đầy đủ hồ sơ chứng minh việc giải ngân vốn vay; kiểm tra, giám sát việc sử dụng vốn vay và tài sản hình thành từ vốn vay của bên được bảo lãnh khi yêu cầu bên bảo lãnh thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh;

đ) Giám sát chặt chẽ nguồn thu của bên được bảo lãnh để đôn đốc thu hồi nợ vay;

e) Cung cấp thông tin, báo cáo định kỳ hoặc đột xuất về tình hình thực hiện cho vay có bảo lãnh tới các cơ quan nhà nước có thẩm quyền;

g) Các nghĩa vụ khác theo thỏa thuận của các bên phù hợp với quy định của pháp luật.

Điều 36. Quyền và nghĩa vụ của bên được bảo lãnh

1. Bên được bảo lãnh có quyền:

a) Yêu cầu bên bảo lãnh, bên nhận bảo lãnh thực hiện các cam kết trong hợp đồng bảo lãnh tín dụng, chứng thư bảo lãnh;

b) Các quyền khác theo thỏa thuận của các bên phù hợp với quy định của pháp luật.

2. Bên được bảo lãnh có nghĩa vụ:

a) Cung cấp đầy đủ, trung thực các thông tin và tài liệu liên quan đến việc cấp bảo lãnh theo yêu cầu của bên bảo lãnh, bên nhận bảo lãnh và chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, hợp pháp của các thông tin và tài liệu này;

b) Chịu sự kiểm tra, giám sát của bên bảo lãnh và bên nhận bảo lãnh;

c) Thực hiện đầy đủ các cam kết trong hợp đồng bảo lãnh tín dụng, sử dụng vốn vay đúng mục đích;

d) Nộp các chi phí bảo lãnh tín dụng cho bên bảo lãnh đầy đủ, đúng thời hạn theo quy định;

đ) Trong trường hợp có phát sinh thay đổi giữa bên được bảo lãnh và bên nhận bảo lãnh ảnh hưởng đến nghĩa vụ bảo lãnh của Quỹ bảo lãnh tín dụng thành phố Cần Thơ, bên được bảo lãnh phải thông báo kịp thời bằng văn bản cho Quỹ bảo lãnh tín dụng thành phố Cần Thơ;

e) Phải bồi hoàn đầy đủ cho bên bảo lãnh về những khoản nợ phát sinh mà bên bảo lãnh đã trả thay;

g) Các nghĩa vụ khác theo thỏa thuận của các bên phù hợp với quy định của pháp luật.

Chương VI THỰC HIỆN NGHĨA VỤ BẢO LÃNH TÍN DỤNG

Điều 37. Quy trình thực hiện cam kết bảo lãnh tín dụng

1. Sau khi bên được bảo lãnh không trả được nợ vay cho bên nhận bảo lãnh theo Hợp đồng tín dụng đã ký, bên nhận bảo lãnh thông báo cho bên bảo lãnh về việc thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh theo quy định tại Điều 38 Điều lệ.

2. Bên bảo lãnh thẩm định các hồ sơ bên nhận bảo lãnh đề nghị thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh theo quy định tại Điều 39 Điều lệ.

3. Bên bảo lãnh thực hiện nghĩa vụ trả nợ thay trong trường hợp chấp thuận trả nợ thay và không thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh trong trường hợp không đồng ý trả nợ thay theo quy định tại Điều 40 Điều lệ.

4. Bên được bảo lãnh nhận nợ và hoàn trả bên bảo lãnh đối với nghĩa vụ nợ đã được bên bảo lãnh trả nợ thay.

5. Xử lý rủi ro trong trường hợp không thu hồi được nợ đã trả thay cho bên được bảo lãnh.

Điều 38. Thông báo thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh tín dụng

1. Khi đến hạn bên được bảo lãnh không trả được nợ hoặc trả nợ không đầy đủ cho bên nhận bảo lãnh theo hợp đồng tín dụng đã ký, bên nhận bảo lãnh phải xác định rõ nguyên nhân không trả được nợ và có trách nhiệm áp dụng các biện pháp để thu hồi nợ theo thỏa thuận tại hợp đồng bảo lãnh tín dụng, chứng thư bảo lãnh quy định tại Điều 31 và Điều 32 Điều lệ.

2. Trường hợp sau khi đã áp dụng mọi biện pháp thu hồi nợ tại khoản 1 Điều này mà bên được bảo lãnh vẫn không trả được nợ, bên nhận bảo lãnh phải thông báo bằng văn bản cho bên bảo lãnh về tình hình không trả được nợ của bên được bảo lãnh và đề nghị bên bảo lãnh trả nợ thay theo hợp đồng bảo lãnh tín dụng và chứng thư bảo lãnh mà các bên đã ký kết, kèm theo các hồ sơ có liên quan chứng minh việc đã áp dụng các biện pháp thu hồi nợ mà bên được bảo lãnh vẫn không trả được nợ và hồ sơ liên quan đến khoản bảo lãnh do các bên thỏa thuận tại Hợp đồng bảo lãnh tín dụng, chứng thư bảo lãnh.

3. Giám đốc Quỹ bảo lãnh tín dụng thành phố Cần Thơ trình Chủ tịch Quỹ bảo lãnh tín dụng thành phố Cần Thơ quy định cụ thể về thành phần hồ sơ đề nghị trả nợ thay của bên nhận bảo lãnh.

Điều 39. Thẩm định hồ sơ đề nghị trả nợ thay của bên nhận bảo lãnh

1. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đề nghị trả nợ thay của bên nhận bảo lãnh quy định bên bảo lãnh phải thực hiện kiểm tra, thẩm định hồ sơ đề nghị trả nợ thay của bên nhận bảo lãnh. Nội dung thẩm định bao gồm:

a) Số tiền bên nhận bảo lãnh đề nghị bên bảo lãnh thực hiện nghĩa vụ trả nợ thay;

b) Tính hợp pháp việc giải ngân khoản vay của bên nhận bảo lãnh đối với bên được bảo lãnh trước và sau khi phát hành chứng thư bảo lãnh, đảm bảo đúng quy định tại Luật Các tổ chức tín dụng và các quy định có liên quan đối với khoản vay;

c) Việc bên nhận bảo lãnh chấp hành đầy đủ, đúng các cam kết tại các điều khoản tại chứng thư bảo lãnh và hợp đồng bảo lãnh tín dụng;

d) Giá trị thị trường của tài sản bảo đảm đối với trường hợp bên nhận bảo lãnh nắm giữ tài sản bảo đảm chung đối với khoản bảo lãnh và khoản vay theo quy định.

2. Trường hợp đủ điều kiện bảo lãnh theo thỏa thuận tại chứng thư bảo lãnh, trong thời hạn 10 ngày kể từ thời điểm thẩm định xong hồ sơ bên bảo lãnh phải có văn bản chấp thuận trả nợ thay, trong đó thông báo cụ thể về thời gian thực hiện nghĩa vụ trả nợ thay cho bên nhận bảo lãnh đối với phần nghĩa vụ đã cam kết trong Chứng thư bảo lãnh.

3. Trường hợp không đủ điều kiện bảo lãnh theo thỏa thuận tại hợp đồng bảo lãnh tín dụng, chứng thư bảo lãnh và thuộc các trường hợp bên bảo lãnh được quyền không thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh tại Điều 40 Điều lệ này, bên bảo lãnh có văn bản thông báo cho bên nhận bảo lãnh việc không thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh của mình và nêu rõ nguyên nhân không thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh.

Điều 40. Các trường hợp bên bảo lãnh được quyền không thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh

Bên bảo lãnh được quyền không thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh trong các trường hợp sau:

1. Bên nhận bảo lãnh chưa thực hiện mọi biện pháp thu hồi nợ đối với bên được bảo lãnh theo quy định tại Khoản 1 Điều 38 Điều lệ này.

2. Bên nhận bảo lãnh vi phạm quy định của pháp luật về quy chế cho vay của tổ chức cho vay đối với khách hàng trong quá trình cấp tín dụng cho bên được bảo lãnh, không thực hiện kiểm tra, giám sát hoặc kiểm tra, giám sát không kịp thời dẫn đến việc khách hàng sử dụng vốn vay, tài sản hình thành từ vốn vay không đúng mục đích ghi trong hợp đồng tín dụng.

3. Các trường hợp khác do bên bảo lãnh, bên nhận bảo lãnh và bên được bảo lãnh thỏa thuận tại Hợp đồng bảo lãnh tín dụng và chứng thư bảo lãnh đã ký kết.

Điều 41. Thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh tín dụng

1. Sau khi gửi văn bản thông báo chấp thuận trả nợ thay cho bên nhận bảo lãnh theo quy định tại Khoản 2 Điều 38 Điều lệ này, bên bảo lãnh sẽ thực hiện chuyển tiền cho bên nhận bảo lãnh theo thời gian tại văn bản chấp thuận trả nợ thay. Căn cứ tình hình tài chính, bên bảo lãnh có thể thỏa thuận với bên nhận bảo lãnh về việc chuyển toàn bộ số tiền bảo lãnh một lần hoặc chuyển nhiều lần.

2. Số tiền trả nợ thay bao gồm nghĩa vụ trả nợ gốc, nợ lãi theo thỏa thuận tại chứng thư bảo lãnh, hợp đồng bảo lãnh tín dụng.

3. Trước khi thực hiện chuyển tiền trả nợ thay, bên bảo lãnh và bên nhận bảo lãnh phải hoàn thành thỏa thuận về việc xử lý tài sản bảo đảm trong trường hợp tài sản bảo đảm chung cho khoản vay và khoản được bảo lãnh theo quy định.

Điều 42. Nhận nợ và hoàn trả khoản nợ được bảo lãnh

1. Bên được bảo lãnh nhận nợ với bên bảo lãnh:

a) Sau khi Quỹ bảo lãnh tín dụng thành phố Cần Thơ chuyển tiền trả nợ thay cho bên nhận bảo lãnh, bên được bảo lãnh có trách nhiệm nhận nợ bắt buộc và hoàn trả bên bảo lãnh số tiền bên bảo lãnh đã trả thay cho bên được bảo lãnh;

b) Bên được bảo lãnh phải trả nợ cho bên bảo lãnh gồm: Nợ gốc trả cho Quỹ bảo lãnh tín dụng thành phố Cần Thơ (gồm nợ gốc và lãi tại tổ chức cho vay mà Quỹ bảo lãnh tín dụng thành phố Cần Thơ đã trả nợ thay), nợ lãi nhận nợ bắt buộc tối đa bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn của bên nhận bảo lãnh tại thời điểm nhận nợ, chi phí bảo lãnh chưa thu hồi được, các chi phí khác mà bên bảo

lãnh đã chi trả thay cho bên được bảo lãnh. Việc nhận nợ vay bắt buộc được thực hiện bằng Hợp đồng nhận nợ bắt buộc;

c) Căn cứ vào hợp đồng bảo lãnh tín dụng và chứng thư bảo lãnh, Quỹ bảo lãnh tín dụng thành phố Cần Thơ quyết định thời hạn nhận nợ bắt buộc, kỳ hạn trả nợ, lãi suất nhận nợ bắt buộc áp dụng cho khoản trả nợ thay. Thời hạn nhận nợ bắt buộc không quá 1/3 thời hạn cho vay trong hạn của khoản vay được bảo lãnh.

2. Trường hợp đặc biệt, Giám đốc Quỹ bảo lãnh tín dụng thành phố Cần Thơ báo cáo Chủ tịch Quỹ để trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ xem xét, quyết định việc miễn, giảm lãi suất nhận nợ bắt buộc đối với từng trường hợp cụ thể nêu tại điểm b Khoản 1 Điều này. Chủ tịch Quỹ bảo lãnh tín dụng thành phố Cần Thơ xem xét ban hành Quy chế về mức lãi suất nhận nợ, miễn, giảm lãi suất nhận nợ bắt buộc để Quỹ triển khai thực hiện sau khi có ý kiến thuận của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ.

3. Trường hợp bên được bảo lãnh không thanh toán được khoản nợ vay bắt buộc khi đến hạn, bên bảo lãnh được quyền áp dụng các biện pháp xử lý rủi ro theo quy định tại Điều 45 Điều lệ.

Điều 43. Chấm dứt nghĩa vụ bảo lãnh vay vốn

Nghĩa vụ bảo lãnh vay vốn của bên bảo lãnh chấm dứt trong các trường hợp sau:

1. Bên được bảo lãnh đã thực hiện trả nợ đầy đủ đối với bên nhận bảo lãnh theo hợp đồng tín dụng đã ký.

2. Bên bảo lãnh đã thực hiện xong nghĩa vụ bảo lãnh theo hợp đồng bảo lãnh tín dụng hoặc chứng thư bảo lãnh với bên nhận bảo lãnh.

3. Việc bảo lãnh vay vốn được hủy bỏ hoặc thay thế bằng biện pháp bảo đảm khác khi có thỏa thuận của các bên có liên quan.

4. Trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày phát hành chứng thư bảo lãnh mà không có khoản giải ngân nào của bên nhận bảo lãnh cho bên được bảo lãnh thì chứng thư bảo lãnh hết hiệu lực.

5. Thời hạn hiệu lực của bảo lãnh vay vốn đã hết.

6. Bên nhận bảo lãnh đồng ý miễn thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh cho bên bảo lãnh hoặc nghĩa vụ bảo lãnh chấm dứt theo quy định của pháp luật.

7. Theo thỏa thuận của các bên phù hợp với quy định của pháp luật.

Điều 44. Phân loại nợ, trích lập quỹ dự phòng rủi ro bảo lãnh

1. Phân loại nợ: Quỹ bảo lãnh tín dụng thành phố Cần Thơ thực hiện phân loại nợ đối với các khoản đã trả nợ thay cho bên được bảo lãnh (khách hàng phải nhận nợ bắt buộc) theo quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam đối với các tổ chức tín dụng.

2. Trích lập quỹ dự phòng rủi ro bảo lãnh: Quỹ bảo lãnh tín dụng thành phố Cần Thơ được trích lập Quỹ dự phòng rủi ro bảo lãnh và được tính vào chi phí hoạt động của Quỹ như sau:

a) Trích lập dự phòng rủi ro chung bằng 0,75%/năm tính trên số dư cam kết bảo lãnh của Quỹ;

b) Trích lập dự phòng rủi ro cụ thể: Căn cứ kết quả phân loại nợ và kết quả thu chi tài chính hàng năm của Quỹ, Quỹ bảo lãnh tín dụng thành phố Cần Thơ thực hiện trích lập dự phòng rủi ro cụ thể cho những khoản đã trả nợ thay cho bên được bảo lãnh, tỷ lệ trích không quá tỷ lệ trích tối đa theo từng nhóm nợ theo quy định đối với các tổ chức tín dụng.

3. Quỹ bảo lãnh tín dụng thành phố Cần Thơ được sử dụng quỹ dự phòng rủi ro bảo lãnh để bù đắp các khoản nợ cho vay bắt buộc khi thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh cho khách hàng mà không thu hồi được nợ sau khi đã sử dụng các khoản bảo hiểm rủi ro (đối với các trường hợp mua bảo hiểm rủi ro). Cuối năm, nếu không sử dụng hết, số dư của quỹ dự phòng rủi ro bảo lãnh được chuyển sang năm tiếp theo để sử dụng.

Trường hợp quỹ dự phòng rủi ro bảo lãnh không đủ bù đắp những rủi ro bảo lãnh phát sinh trong năm thì sẽ lấy từ nguồn quỹ dự phòng tài chính theo quy định tại Điều 51 Điều lệ.

Điều 45. Xử lý rủi ro

1. Nguyên tắc xử lý rủi ro: Việc xử lý rủi ro của Quỹ bảo lãnh tín dụng thành phố Cần Thơ phải đảm bảo nguyên tắc:

a) Thực hiện đúng theo quy định của pháp luật;

b) Giảm thiệt hại tối đa cho nhà nước và gắn trách nhiệm của Quỹ bảo lãnh tín dụng thành phố Cần Thơ, bên nhận bảo lãnh, bên được bảo lãnh và các cơ quan liên quan trong việc bảo lãnh, thu hồi khoản trả nợ thay theo quy định tại Nghị định này và pháp luật có liên quan.

2. Các biện pháp xử lý rủi ro của Quỹ bảo lãnh tín dụng thành phố Cần Thơ bao gồm: Cơ cấu nợ, khoan nợ, xóa nợ (gốc, lãi), bán nợ và xử lý tài sản bảo đảm.

3. Thẩm quyền xử lý rủi ro:

a) Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ quyết định các biện pháp: Xóa nợ (gốc, lãi), bán nợ thấp hơn giá trị sổ sách của khoản nợ;

b) Chủ tịch Quỹ bảo lãnh tín dụng thành phố Cần Thơ quyết định các biện pháp khoan nợ, xử lý tài sản bảo đảm;

c) Giám đốc Quỹ bảo lãnh tín dụng thành phố Cần Thơ quyết định biện pháp cơ cấu nợ.

4. Bộ Tài chính hướng dẫn cụ thể cơ chế xử lý rủi ro của Quỹ bảo lãnh tín dụng thành phố Cần Thơ.

5. Số tiền thu hồi được từ các khoản bảo lãnh đã được xử lý rủi ro, kể cả số tiền thu hồi được từ việc xử lý tài sản bảo đảm được bổ sung vào quỹ dự phòng rủi ro bảo lãnh tín dụng của Quỹ bảo lãnh tín dụng thành phố Cần Thơ.

Chương VII **CHẾ ĐỘ TÀI CHÍNH, KẾ TOÁN, KIỂM TOÁN,** **THÔNG TIN VÀ BÁO CÁO**

Điều 46. Chế độ tài chính, kế toán và báo cáo

1. Quỹ bảo lãnh tín dụng thành phố Cần Thơ thực hiện chế độ tài chính, kế toán, chế độ báo cáo theo đúng quy định của Nghị định số 34/2018/NĐ-CP và hướng dẫn của Bộ Tài chính.

2. Năm tài chính của Quỹ bảo lãnh tín dụng thành phố Cần Thơ từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Điều 47. Lập kế hoạch tài chính hàng năm

1. Quỹ bảo lãnh tín dụng thành phố Cần Thơ có trách nhiệm xây dựng kế hoạch tài chính năm, kế hoạch thu nhập, chi phí, kế hoạch mua sắm tài sản cố định để trình Chủ tịch Quỹ quyết định sau khi có ý kiến phê duyệt của chủ sở hữu.

2. Quy trình phê duyệt và ban hành kế hoạch tài chính năm như sau:

a) Trước ngày 31 tháng 12 hàng năm, Chủ tịch Quỹ bảo lãnh tín dụng thành phố Cần Thơ báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ về kế hoạch tài chính năm kế hoạch;

b) Trước ngày 30 tháng 3 năm kế hoạch, Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ xem xét, phê duyệt kế hoạch tài chính năm làm căn cứ để Quỹ bảo lãnh tín dụng thành phố Cần Thơ triển khai, thực hiện.

Điều 48. Nguồn vốn hoạt động của Quỹ bảo lãnh tín dụng thành phố Cần Thơ

Nguồn vốn hoạt động của Quỹ bảo lãnh tín dụng thành phố Cần Thơ được hình thành từ các nguồn sau:

1. Vốn chủ sở hữu:

a) Vốn điều lệ của Quỹ bảo lãnh tín dụng thành phố Cần Thơ do ngân sách địa phương cấp;

b) Vốn bổ sung từ kết quả hoạt động của Quỹ bảo lãnh tín dụng thành phố Cần Thơ theo quy định;

c) Vốn hình thành từ các khoản tài trợ, viện trợ, đóng góp không phải hoàn trả của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước dành cho Quỹ bảo lãnh tín dụng thành phố Cần Thơ;

d) Vốn nhà nước khác theo quy định của pháp luật;

đ) Các nguồn vốn khác thuộc vốn chủ sở hữu theo quy định của pháp luật.

2. Vốn huy động: vốn huy động từ các tổ chức tài chính, tín dụng trong và ngoài nước theo quy định của pháp luật và quy định nội bộ của Quỹ bảo đảm phù hợp với khả năng hoàn trả của Quỹ.

3. Các khoản vốn khác gồm:

a) Vốn nhận ủy thác của chính quyền địa phương, các quỹ tài chính địa phương, các tổ chức, cá nhân trong nước và ngoài nước (bên ủy thác) để thực hiện yêu cầu của bên nhận ủy thác theo quy định của pháp luật và Điều lệ;

b) Các nguồn vốn hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

Điều 49. Nguyên tắc quản lý và sử dụng vốn của Quỹ bảo lãnh tín dụng thành phố Cần Thơ

1. Vốn hoạt động của Quỹ bảo lãnh tín dụng thành phố Cần Thơ phải được sử dụng theo nguyên tắc đúng mục đích, có hiệu quả, đảm bảo an toàn vốn và tài sản, cụ thể:

a) Cấp bảo lãnh tín dụng cho các bên được bảo lãnh theo quy định;

b) Đầu tư xây dựng, mua sắm tài sản cố định phục vụ trực tiếp cho hoạt động của Quỹ bảo lãnh tín dụng thành phố Cần Thơ tối đa không quá 7% vốn điều lệ thực có của Quỹ bảo lãnh tín dụng thành phố Cần Thơ. Chủ tịch Quỹ ban hành quy chế đầu tư xây dựng, mua sắm tài sản cố định đảm bảo chấp hành đầy đủ các quy định của pháp luật về quản lý đầu tư và xây dựng.

2. Ủy ban nhân dân thành phố báo cáo Hội đồng nhân dân thành phố Cần Thơ xem xét, bổ sung vốn điều lệ cho Quỹ bảo lãnh tín dụng thành phố Cần Thơ theo quy định tại Nghị định 34/2018/NĐ-CP và quy định của Luật Ngân sách nhà nước.

3. Vốn nhàn rỗi của Quỹ bảo lãnh tín dụng thành phố Cần Thơ được sử dụng để đầu tư mua trái phiếu Chính phủ, tín phiếu kho bạc, trái phiếu kho bạc, công trái xây dựng tổ quốc, trái phiếu do Chính phủ bảo lãnh, được gửi tiết kiệm tại các tổ chức tín dụng thuộc danh sách các tổ chức tín dụng được Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt trong từng thời kỳ theo nguyên tắc bảo toàn, phát triển vốn.

Điều 50. Lương, phụ cấp lương

Quỹ bảo lãnh tín dụng thành phố Cần Thơ áp dụng quản lý lao động, tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với người lao động, người quản lý quỹ theo quy định đối với Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ và phù hợp với tính chất và mô hình hoạt động của Quỹ theo quy định tại Nghị định 34/2018/NĐ-CP.

Điều 51. Kết quả tài chính và phân phối kết quả tài chính

1. Kết quả tài chính hàng năm của Quỹ bảo lãnh tín dụng thành phố Cần Thơ là số chênh lệch giữa tổng số thu nhập và tổng số chi phí phát sinh trong năm tài chính.

2. Sau khi nộp thuế và các khoản nộp ngân sách nhà nước theo quy định, trường hợp tổng thu nhập lớn hơn tổng chi phí, phần chênh lệch này được phân phối theo trình tự như sau:

- a) Bù đắp các khoản kết quả tài chính âm lũy kế đến thời điểm quyết toán;
- b) Trừ các khoản tiền phạt do vi phạm pháp luật thuộc trách nhiệm của Quỹ bảo lãnh tín dụng thành phố Cần Thơ theo quy định của pháp luật;
- c) Phần còn lại sau khi đã trừ các khoản quy định tại điểm a và điểm b khoản 2 Điều này được trích theo thứ tự như sau:

- Trích lập quỹ đầu tư phát triển tối thiểu 30%.
- Trích quỹ dự phòng tài chính 20%; mức trích tối đa của quỹ này không vượt quá 25% vốn điều lệ của Quỹ bảo lãnh tín dụng thành phố Cần Thơ.

- Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi của người lao động, quỹ thưởng người quản lý theo chế độ áp dụng cho Công ty trách nhiệm hữu hạn thành viên do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ. Bộ Tài chính hướng dẫn cụ thể về điều kiện và mức trích các quỹ này.

- Số còn lại (nếu có) được bổ sung vào Quỹ đầu tư phát triển để bổ sung vốn điều lệ của Quỹ bảo lãnh tín dụng thành phố Cần Thơ theo quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ.

3. Mục đích sử dụng của các Quỹ

- a) Quỹ đầu tư phát triển được dùng để bổ sung vốn điều lệ và thực hiện các dự án đầu tư phát triển của Quỹ bảo lãnh tín dụng thành phố Cần Thơ;

- b) Quỹ dự phòng tài chính được dùng theo thứ tự ưu tiên như sau:

- Để bù đắp những tổn thất, thiệt hại về tài sản, công nợ không đòi được xảy ra trong hoạt động;

- Xử lý rủi ro bảo lãnh tín dụng sau khi đã sử dụng hết quỹ dự phòng rủi ro bảo lãnh được trích lập từ chi phí theo quyết định của Chủ tịch Quỹ trên cơ sở đề nghị của Giám đốc Quỹ bảo lãnh tín dụng thành phố Cần Thơ;

- c) Quỹ thưởng người quản lý:

- Được dùng để thưởng cho Chủ tịch, Kiểm soát viên, Giám đốc, các Phó Giám đốc, Kế toán trưởng của Quỹ bảo lãnh tín dụng thành phố Cần Thơ như đối với Công ty trách nhiệm hữu hạn thành viên do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ.

- Trên cơ sở các chỉ tiêu đánh giá hiệu quả hoạt động hàng năm của Quỹ bảo lãnh tín dụng thành phố Cần Thơ, Mức thưởng do Chủ tịch Quỹ bảo lãnh tín dụng thành phố Cần Thơ quyết định theo mức độ hoàn thành nhiệm vụ được giao và hiệu quả hoạt động của Quỹ bảo lãnh tín dụng thành phố Cần Thơ theo đề nghị của Giám đốc Quỹ bảo lãnh tín dụng thành phố Cần Thơ;

- d) Quỹ khen thưởng được dùng để thưởng định kỳ hoặc đột xuất cho cá nhân, tập thể của Quỹ bảo lãnh tín dụng thành phố Cần Thơ có sáng kiến cải tiến

kỹ thuật, quy trình nghiệp vụ mang lại hiệu quả cao cho hoạt động của Quỹ bảo lãnh tín dụng thành phố Cần Thơ; thưởng cho tập thể, cá nhân trong và ngoài Quỹ bảo lãnh tín dụng thành phố Cần Thơ tham gia đóng góp hiệu quả vào quá trình hoạt động của Quỹ bảo lãnh tín dụng thành phố Cần Thơ;

đ) Quỹ phúc lợi được sử dụng để chi cho các hoạt động thể thao, văn hóa, phúc lợi công cộng của tập thể cán bộ của Quỹ bảo lãnh tín dụng thành phố Cần Thơ; chi trợ cấp khó khăn thường xuyên, đột xuất cho cán bộ Quỹ bảo lãnh tín dụng thành phố Cần Thơ; chi đầu tư xây dựng hoặc sửa chữa các công trình phúc lợi của Quỹ bảo lãnh tín dụng thành phố Cần Thơ.

Chủ tịch, Giám đốc Quỹ bảo lãnh tín dụng thành phố Cần Thơ phối hợp với Công đoàn của Quỹ bảo lãnh tín dụng thành phố Cần Thơ quản lý, sử dụng quỹ này công khai, minh bạch.

4. Quỹ bảo lãnh tín dụng thành phố Cần Thơ ban hành Quy chế quản lý và sử dụng các Quỹ theo quy định để áp dụng trong nội bộ của Quỹ bảo lãnh tín dụng thành phố Cần Thơ, bảo đảm công khai, minh bạch.

5. Trường hợp tổng thu nhập nhỏ hơn tổng chi phí (trong năm tài chính Quỹ bảo lãnh tín dụng thành phố Cần Thơ bị lỗ), Quỹ bảo lãnh tín dụng thành phố Cần Thơ được chuyển lỗ sang năm sau, thời gian được chuyển lỗ tính liên tục không quá 05 năm kể từ năm tiếp sau năm phát sinh lỗ. Trường hợp sau 05 năm nếu Quỹ bảo lãnh tín dụng thành phố Cần Thơ không chuyển hết lỗ, Quỹ bảo lãnh tín dụng thành phố Cần Thơ báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ xem xét, quyết định việc giảm vốn hoặc cấp bù vốn hoạt động, tổ chức lại, giải thể hoặc phá sản Quỹ bảo lãnh tín dụng thành phố Cần Thơ theo quy định tại Điều lệ và pháp luật có liên quan.

Điều 52. Chế độ thông tin, báo cáo

1. Quỹ bảo lãnh tín dụng thành phố Cần Thơ có trách nhiệm:

a) Lập và gửi các báo cáo định kỳ 06 tháng về Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ, Sở Tài chính, Chi nhánh Ngân hàng Nhà nước thành phố nơi Quỹ bảo lãnh tín dụng thành phố Cần Thơ thành lập và hoạt động;

b) Lập và gửi báo cáo hàng năm về Bộ Tài chính, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

2. Các loại báo cáo định kỳ 06 tháng và hàng năm quy định tại khoản 1 Điều này, gồm:

a) Báo cáo tài chính, gồm: Bảng cân đối kế toán; báo cáo kết quả hoạt động; báo cáo lưu chuyển tiền tệ; báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu; bản thuyết minh báo cáo tài chính theo quy định của pháp luật; Báo cáo tình hình thu chi tài chính; báo cáo tình hình phân phối chênh lệch thu, chi và sử dụng các quỹ theo hướng dẫn của Bộ Tài chính;

b) Báo cáo hoạt động nghiệp vụ: Báo cáo tổng hợp tình hình hoạt động của các dự án được cấp bảo lãnh;

c) Báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính năm.

3. Thời hạn gửi báo cáo:

a) Báo cáo 06 tháng gửi chậm nhất sau 30 ngày kể từ ngày kết thúc 06 tháng;

b) Báo cáo năm được gửi chậm nhất là sau 90 ngày kể từ ngày kết thúc năm tài chính; riêng báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính năm của Quỹ bảo lãnh tín dụng thành phố Cần Thơ do tổ chức kiểm toán độc lập thực hiện được gửi chậm nhất là sau 120 ngày kể từ ngày kết thúc năm tài chính.

4. Trường hợp đột xuất, Quỹ bảo lãnh tín dụng thành phố Cần Thơ có trách nhiệm, nghĩa vụ cung cấp thông tin, báo cáo cho cơ quan có thẩm quyền khi có yêu cầu.

5. Định kỳ hàng năm, Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ báo cáo Hội đồng nhân dân thành phố Cần Thơ tình hình hoạt động của Quỹ bảo lãnh tín dụng thành phố Cần Thơ để Hội đồng nhân dân thành phố Cần Thơ thực hiện giám sát. Nội dung báo cáo gồm:

a) Tình hình hoạt động của Quỹ bảo lãnh tín dụng thành phố Cần Thơ gồm: Doanh số, tổng dư nợ bảo lãnh, lĩnh vực bảo lãnh, nghĩa vụ trả nợ thay;

b) Tài chính của Quỹ bảo lãnh tín dụng thành phố Cần Thơ: Nguồn vốn hoạt động, thu - chi tài chính, trích lập dự phòng rủi ro;

c) Nhận xét, đánh giá và kiến nghị về hoạt động của Quỹ bảo lãnh tín dụng thành phố Cần Thơ.

Điều 53. Kiểm toán và công khai báo cáo tài chính

1. Báo cáo tài chính hàng năm của Quỹ bảo lãnh tín dụng thành phố Cần Thơ phải được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán độc lập hoặc kiểm toán nhà nước và được công khai theo quy định của pháp luật hiện hành.

2. Hàng năm, Kiểm soát viên của Quỹ bảo lãnh tín dụng thành phố Cần Thơ trình Chủ tịch Quỹ bảo lãnh tín dụng thành phố Cần Thơ lựa chọn một tổ chức kiểm toán độc lập thành lập và hoạt động tại Việt Nam để kiểm toán báo cáo tài chính của Quỹ bảo lãnh tín dụng thành phố Cần Thơ.

3. Kiểm soát viên của Quỹ bảo lãnh tín dụng thành phố Cần Thơ tổ chức, kiểm tra, kiểm soát theo kế hoạch việc chấp hành chế độ tài chính kế toán tại Quỹ bảo lãnh tín dụng thành phố Cần Thơ và báo cáo kết quả kiểm tra, kiểm soát cho Chủ tịch Quỹ bảo lãnh tín dụng thành phố Cần Thơ.

Chương VIII

**GIÁM SÁT VÀ ĐÁNH GIÁ HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG
QUỸ BẢO LÃNH TÍN DỤNG THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

Điều 54. Cơ quan giám sát và đánh giá hiệu quả hoạt động của Quỹ bảo lãnh tín dụng thành phố Cần Thơ

1. Ủy ban nhân dân thành phố thực hiện giám sát và đánh giá toàn diện hiệu quả hoạt động của Quỹ bảo lãnh tín dụng thành phố Cần Thơ.

2. Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với chi nhánh Ngân hàng Nhà nước Việt Nam thành phố và các đơn vị có liên quan trên địa bàn giúp Ủy ban nhân dân thành phố thực hiện giám sát và đánh giá tình hình hoạt động của Quỹ bảo lãnh tín dụng thành phố Cần Thơ.

Điều 55. Nội dung giám sát

1. Giám sát việc bảo toàn vốn.

2. Giám sát việc quản lý và sử dụng vốn, tài sản

a) Hoạt động huy động vốn;

b) Sử dụng vốn;

c) Cấp bảo lãnh tín dụng theo quy định tại Nghị định này và quy định nội bộ của Quỹ;

d) Quản lý tài sản.

3. Giám sát kết quả hoạt động của Quỹ bảo lãnh tín dụng thành phố Cần Thơ

a) Việc thực hiện kế hoạch hoạt động của Quỹ;

b) Kết quả hoạt động của Quỹ: Thu nhập, kết quả tài chính của Quỹ;

c) Phân phối kết quả tài chính và trích lập các quỹ.

4. Giám sát thực hiện chế độ tiền lương của Quỹ.

5. Các nội dung giám sát liên quan khác theo yêu cầu của Ủy ban nhân dân thành phố.

Điều 56. Căn cứ thực hiện giám sát và phương thức giám sát

1. Quy định về tổ chức và hoạt động của Quỹ bảo lãnh tín dụng thành phố Cần Thơ tại Nghị định số 34/2018/NĐ-CP, Điều lệ này và các văn bản pháp luật có liên quan.

2. Điều lệ tổ chức và hoạt động và các quy chế hoạt động của Quỹ bảo lãnh tín dụng thành phố Cần Thơ do các cấp thẩm quyền ban hành.

3. Kế hoạch hoạt động hàng năm của Quỹ bảo lãnh tín dụng thành phố Cần Thơ đã được các cấp có thẩm quyền phê duyệt.

4. Báo cáo tài chính năm của Quỹ bảo lãnh tín dụng thành phố Cần Thơ đã được kiểm toán độc lập và được Chủ tịch Quỹ bảo lãnh tín dụng thành phố Cần Thơ thông qua; báo cáo tài chính 06 tháng, năm; báo cáo nghiệp vụ định kỳ và các báo cáo đột xuất khác theo yêu cầu của Ủy ban nhân dân thành phố hoặc cơ quan quản lý nhà nước.

5. Kết quả thanh tra, kiểm tra, kiểm toán tại Quỹ bảo lãnh tín dụng thành phố Cần Thơ của các cơ quan chức năng đã công bố theo quy định hoặc đã gửi bằng văn bản đến Ủy ban nhân dân thành phố.

6. Các thông tin, tài liệu có liên quan khác theo quy định của pháp luật.

7. Phương thức giám sát tài chính thực hiện bằng phương pháp giám sát trực tiếp hoặc giám sát gián tiếp thông qua các báo cáo của Quỹ bảo lãnh tín dụng thành phố Cần Thơ để phát hiện kịp thời các rủi ro về tài chính, hạn chế trong quản lý tài chính của Quỹ và có cảnh báo, giải pháp xử lý.

Điều 57. Đánh giá hiệu quả hoạt động của Quỹ bảo lãnh tín dụng thành phố Cần Thơ

1. Các chỉ tiêu đánh giá hiệu quả hoạt động hàng năm của Quỹ bảo lãnh tín dụng thành phố Cần Thơ, bao gồm:

- a) Chỉ tiêu 1: Tăng trưởng doanh số bảo lãnh cấp tín dụng;
- b) Chỉ tiêu 2: Tỷ lệ nợ đã trả thay cho doanh nghiệp;
- c) Chỉ tiêu 3: Tỷ lệ thu hồi nợ bắt buộc đối với hoạt động bảo lãnh tín dụng hàng năm của Quỹ;
- d) Chỉ tiêu 4: Tổng thu nhập trừ tổng chi phí;
- đ) Chỉ tiêu 5: Tình hình chấp hành pháp luật về đầu tư, quản lý và sử dụng vốn, tài sản của Quỹ, nghĩa vụ với ngân sách nhà nước, chế độ báo cáo tài chính.

2. Nguyên nhân khách quan

Khi tính toán các chỉ tiêu đánh giá hiệu quả hoạt động của Quỹ bảo lãnh tín dụng thành phố Cần Thơ tại khoản 1 Điều này, Quỹ bảo lãnh tín dụng thành phố Cần Thơ được loại trừ các yếu tố khách quan về:

- a) Thiên tai, hỏa hoạn, dịch bệnh, chiến tranh và các nguyên nhân bất khả kháng khác;
- b) Thay đổi về chính sách chi phí bảo lãnh tín dụng làm ảnh hưởng đến kết quả tài chính của Quỹ bảo lãnh tín dụng thành phố Cần Thơ hoặc việc miễn, giảm chi phí bảo lãnh tín dụng theo quyết định của cấp có thẩm quyền theo quy định tại Nghị định này.

3. Phương thức đánh giá hiệu quả và xếp loại Quỹ bảo lãnh tín dụng thành phố Cần Thơ theo quy định tại Điều này được thực hiện theo hướng dẫn của Bộ Tài chính.

4. Báo cáo đánh giá hiệu quả hoạt động của Quỹ bảo lãnh tín dụng thành phố Cần Thơ hàng năm phải gửi cho Bộ Tài chính, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Bộ Kế hoạch và Đầu tư trước ngày 31 tháng 5 của năm tiếp theo để thực hiện quản lý nhà nước theo chức năng, nhiệm vụ và quy định của pháp luật.

Chương IX CƠ CẤU LẠI, GIẢI THỂ, PHÁ SẢN QUỸ BẢO LÃNH TÍN DỤNG THÀNH PHỐ CẦN THƠ

Điều 58. Cơ cấu lại và giải thể Quỹ bảo lãnh tín dụng thành phố Cần Thơ

Căn cứ kết quả đánh giá hiệu quả hoạt động của Quỹ bảo lãnh tín dụng thành phố Cần Thơ, Ủy ban nhân dân thành phố quyết định:

1. Cơ cấu lại bộ máy tổ chức quản trị, điều hành và các hoạt động của Quỹ bảo lãnh tín dụng thành phố Cần Thơ có tổ chức và hoạt động chưa hiệu quả và chưa tuân thủ các quy định tại Điều lệ này, Nghị định 34/2018/NĐ-CP và các quy định pháp luật có liên quan.

2. Giải thể Quỹ bảo lãnh tín dụng thành phố Cần Thơ đã được cơ cấu lại theo quy định tại khoản 1 Điều này nhưng hoạt động không hiệu quả, không đúng mục tiêu thành lập Quỹ, hoạt động không đúng quy định của pháp luật và các trường hợp buộc phải giải thể theo quy định tại Điều 59 Điều lệ này.

Điều 59. Các trường hợp phải giải thể Quỹ bảo lãnh tín dụng thành phố Cần Thơ

Ủy ban nhân dân thành phố thực hiện giải thể Quỹ bảo lãnh tín dụng thành phố Cần Thơ trong các trường hợp sau đây:

1. Quỹ bảo lãnh tín dụng thành phố Cần Thơ không có đủ vốn điều lệ tối thiểu theo quy định.

2. Tỷ lệ dư nợ cấp bảo lãnh tín dụng trên vốn điều lệ thực có của Quỹ bảo lãnh tín dụng thành phố Cần Thơ tại thời điểm 31 tháng 12 hàng năm thấp hơn 10% trong 05 năm liên tiếp kể từ khi Nghị định 34/2018/NĐ-CP có hiệu lực thi hành.

3. Tỷ lệ nợ xấu của Quỹ bảo lãnh tín dụng thành phố Cần Thơ cao hơn 50% vốn điều lệ thực có của Quỹ trong 03 năm liên tiếp.

Điều 60. Hội đồng giải thể Quỹ bảo lãnh tín dụng thành phố Cần Thơ

1. Ủy ban nhân dân thành phố quyết định thành lập Hội đồng giải thể để tổ chức việc thực hiện giải thể Quỹ bảo lãnh tín dụng thành phố Cần Thơ. Hội đồng giải thể có chức năng tham mưu cho Ủy ban nhân dân thành phố về phương án giải thể và tổ chức thực hiện giải thể Quỹ bảo lãnh tín dụng thành phố Cần Thơ.

2. Hội đồng giải thể gồm đại diện các cơ quan sau:

- a) Chủ tịch Hội đồng giải thể là Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố;
- b) Lãnh đạo Sở: Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư và Lao động - Thương binh và Xã hội;
- c) Lãnh đạo Chi nhánh Ngân hàng Nhà nước Việt Nam tại thành phố;
- d) Chủ tịch, Kiểm soát viên của Quỹ bảo lãnh tín dụng thành phố Cần Thơ;
- đ) Đại diện của các cơ quan liên quan (nếu cần thiết) theo quyết định của thành phố.

Điều 61. Quy trình giải thể Quỹ bảo lãnh tín dụng thành phố Cần Thơ

1. Trường hợp Quỹ bảo lãnh tín dụng thành phố Cần Thơ phải giải thể theo quy định, Ủy ban nhân dân thành phố thành lập Hội đồng giải thể theo quy định tại Điều 60 Điều lệ này. Hội đồng giải thể có trách nhiệm xây dựng phương án

giải thể, báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố xin ý kiến Hội đồng nhân dân cùng cấp trước khi quyết định giải thể. Phương án giải thể bao gồm các nội dung sau:

a) Tổ chức kiểm toán độc lập để đánh giá thực trạng tài chính và xác định giá trị thực của vốn điều lệ, trừ trường hợp đã có báo cáo tài chính được kiểm toán độc lập trong vòng 6 tháng trước thời điểm quyết định giải thể Quỹ bảo lãnh tín dụng thành phố Cần Thơ;

b) Phương án thanh lý tài sản, xử lý nguồn vốn điều lệ, các khoản bảo lãnh tín dụng cho doanh nghiệp nhỏ và vừa đang thực hiện và thanh toán các khoản nợ của Quỹ bảo lãnh tín dụng thành phố Cần Thơ;

c) Phương án xử lý các nghĩa vụ phát sinh từ hợp đồng lao động;

d) Nội dung chấm dứt toàn bộ quyền, lợi ích của Quỹ bảo lãnh tín dụng thành phố Cần Thơ.

2. Sau khi phương án giải thể được Hội đồng nhân dân thành phố chấp thuận, Ủy ban nhân dân thành phố quyết định giải thể Quỹ bảo lãnh tín dụng thành phố Cần Thơ theo các nội dung quy định tại Điều 62 Điều lệ.

3. Sau khi có quyết định giải thể:

a) Quỹ bảo lãnh tín dụng thành phố Cần Thơ có trách nhiệm thực hiện các quy định tại Điều 63 Điều lệ.

b) Hội đồng giải thể có trách nhiệm thực hiện các quy định tại Điều 64 Điều lệ;

4. Hội đồng giải thể tự động chấm dứt hoạt động khi Quỹ bảo lãnh tín dụng thành phố Cần Thơ đã hoàn tất các thủ tục giải thể theo quy định tại Điều lệ và các quy định của pháp luật có liên quan.

5. Thời gian giải thể Quỹ bảo lãnh tín dụng thành phố Cần Thơ không quá 02 năm kể từ ngày quyết định giải thể có hiệu lực. Trường hợp cần thiết, Ủy ban nhân dân thành phố quyết định gia hạn thời gian giải thể nhưng tối đa không quá 01 năm.

Điều 62. Quyết định giải thể Quỹ bảo lãnh tín dụng thành phố Cần Thơ

1. Quyết định giải thể Quỹ bảo lãnh tín dụng thành phố Cần Thơ phải có các nội dung chủ yếu như sau:

a) Tên, địa chỉ trụ sở chính của Quỹ bảo lãnh tín dụng thành phố Cần Thơ bị giải thể;

b) Lý do giải thể;

c) Thời hạn, thủ tục thanh lý hợp đồng và thanh toán các khoản nợ của Quỹ bảo lãnh tín dụng thành phố Cần Thơ; thời hạn thanh toán nợ, thanh lý hợp đồng không được vượt quá 01 năm, kể từ ngày có quyết định giải thể;

d) Thu hồi trước hạn hoặc chuyển giao các khoản đã trả nợ thay cho một đơn vị chuyên môn tiếp tục theo dõi, thu nợ vốn Quỹ đã trả nợ thay;

đ) Phương án xử lý các nghĩa vụ phát sinh từ hợp đồng lao động.

2. Trong vòng 15 ngày, kể từ ngày ra quyết định giải thể, Ủy ban nhân dân thành phố phải báo cáo Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam biết và công bố rộng rãi việc giải thể Quỹ bảo lãnh tín dụng thành phố Cần Thơ trên các phương tiện thông tin đại chúng ở địa phương và trung ương.

Điều 63. Trách nhiệm của Quỹ bảo lãnh tín dụng thành phố Cần Thơ sau khi có quyết định giải thể

1. Kể từ ngày quyết định giải thể có hiệu lực, Quỹ bảo lãnh tín dụng thành phố Cần Thơ có trách nhiệm thực hiện triển khai các nhiệm vụ:

- a) Chấm dứt hoạt động bảo lãnh tín dụng và các hoạt động có liên quan;
- b) Khóa sổ kế toán; kiểm kê tài sản; đối chiếu công nợ phải thu, phải trả, lập báo cáo tài chính đến thời điểm quyết định giải thể có hiệu lực;
- c) Lập danh sách các khoản tiền gửi tại các tổ chức tài chính của Quỹ bảo lãnh tín dụng thành phố Cần Thơ; nợ phải trả, danh sách khách hàng đang bảo lãnh tín dụng và số nợ gốc, lãi phải thu (chia ra nợ có khả năng thu hồi và nợ không có khả năng thu hồi); các khoản vốn huy động của Quỹ bảo lãnh tín dụng thành phố Cần Thơ;
- d) Gửi văn bản đề nghị cơ quan thuế xác nhận việc thực hiện nghĩa vụ thuế của Quỹ.

2. Trong thời hạn 30 ngày, kể từ khi quyết định giải thể có hiệu lực, Quỹ bảo lãnh tín dụng thành phố Cần Thơ phải bàn giao cho Hội đồng giải thể:

- a) Báo cáo tài chính, sổ sách kế toán và các tài liệu liên quan đến việc giải thể của Quỹ; danh sách các khoản bảo lãnh tín dụng và trả nợ thay;
- b) Toàn bộ tài sản thuộc quyền sở hữu, quản lý, sử dụng hợp pháp của Quỹ bảo lãnh tín dụng thành phố Cần Thơ (kể cả tài sản chưa thu hồi được).

Điều 64. Trách nhiệm của Hội đồng giải thể sau khi có quyết định giải thể

1. Sau khi có quyết định giải thể, Hội đồng giải thể có trách nhiệm:

- a) Thu hồi con dấu của Quỹ bảo lãnh tín dụng thành phố Cần Thơ để phục vụ việc giải thể;
- b) Tổ chức giải thể Quỹ bảo lãnh tín dụng thành phố Cần Thơ theo phương án được duyệt;
- c) Trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày kết thúc việc giải thể, Hội đồng giải thể báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố về kết quả giải thể Quỹ bảo lãnh tín dụng thành phố Cần Thơ.

2. Hội đồng giải thể được sử dụng con dấu của Quỹ bảo lãnh tín dụng thành phố Cần Thơ để phục vụ công tác giải thể và yêu cầu các cơ quan nhà nước có liên quan hỗ trợ việc thu hồi tài sản.

Điều 65. Phá sản Quỹ bảo lãnh tín dụng thành phố Cần Thơ

Việc phá sản Quỹ bảo lãnh tín dụng thành phố Cần Thơ được thực hiện theo quy định của Luật phá sản và các văn bản hướng dẫn.

Chương X TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 66. Điều khoản chuyển tiếp

1. Đối với việc thực hiện các hợp đồng, chứng thư bảo lãnh và các cam kết đã ký giữa Quỹ bảo lãnh tín dụng thành phố Cần Thơ, bên nhận bảo lãnh và bên được bảo lãnh trước khi Nghị định 34/2018/NĐ-CP có hiệu lực thi hành thì được tiếp tục thực hiện theo các thỏa thuận đã ký kết tại hợp đồng bảo lãnh, chứng thư bảo lãnh và các thỏa thuận khác theo quy định tại Quyết định số 58/2013/QĐ-TTg ngày 15 tháng 10 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Quy chế thành lập, tổ chức và hoạt động của Quỹ bảo lãnh tín dụng cho doanh nghiệp nhỏ và vừa và các văn bản pháp luật có liên quan.

2. Đối với các trường hợp được Quỹ bảo lãnh tín dụng thành phố Cần Thơ ký hợp đồng bảo lãnh, chứng thư bảo lãnh vay vốn tại các tổ chức cho vay sau khi Nghị định 34/2018/NĐ-CP có hiệu lực thi hành thì phải tuân thủ theo đúng quy định tại Nghị định 34/2018/NĐ-CP.

Điều 67. Điều khoản sửa đổi bổ sung điều lệ

Trong quá trình hoạt động, nếu gặp khó khăn vướng mắc liên quan đến Điều lệ, Chủ tịch Quỹ bảo lãnh tín dụng cho doanh nghiệp nhỏ và vừa thành phố Cần Thơ dự thảo, trình Ủy ban nhân dân thành phố xem xét, quyết định./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Thanh Dũng